

895.922 080 034

ĐC

B 100 M

30 năm
1979
2009

VĂN HỌC
NGHỆ THUẬT
ĐỒNG NAI

HỘI VĂN HỌC NGHỆ THUẬT ĐỒNG NAI

TUYỂN TẬP TÁC PHẨM

VĂN HỌC

VĂN NGHỆ DÂN GIAN

ÂM NHẠC

SÂN KHẤU ĐIỆN ẢNH



Nhà xuất bản Hội Nhà Văn 2009

Hội Văn học Nghệ thuật Đồng Nai



BA MƯƠI NĂM
VĂN HỌC - NGHỆ THUẬT ĐỒNG NAI
(1979 - 2009)

TUYỂN TẬP TÁC PHẨM

- VĂN HỌC
- ÂM NHẠC
- VĂN NGHỆ DÂN GIAN
- SÂN KHẤU ĐIỆN ẢNH

Tủ Sách
NGUYỄN VĂN LO
TUV.GD SỞ VH TTDL ĐỒNG NAI

2018/BC/VL 00001502

Nhà xuất bản Hội Nhà Văn 2009



Chỉ đạo thực hiện:

Chủ biên:

Tham gia thực hiện:

NGUYỄN NAM NGŨ

ĐÀM CHU VĂN

NGUYỄN KHÁNH HÒA

GIANG MẠNH HÀ

TRẦN THU HẰNG

NGUYỄN THU GIANG

VĂN HỌC

LÝ VĂN SÂM (1919 - 2000)

- Tổng thư ký Hội Văn nghệ Giải phóng
- Sau năm 1975, Phó Tổng thư ký Hội Liên hiệp Văn học Nghệ thuật Việt Nam, Ủy viên Ban Chấp hành Hội Nhà văn Việt Nam khóa 3, đại biểu Quốc hội khóa 6, Chủ tịch Hội Văn học Nghệ thuật tỉnh Đồng Nai khóa 1.
- Tác phẩm: *Sương gió biên thùý* (truyện ngắn, 1948); *Mười lăm năm hận sử* (truyện vừa, 1948); *Sau dãy Trường Sơn* (truyện dài, 1949); *Ngoài mùa lạnh* (truyện ngắn, 1950); *Bến xuân* (truyện ngắn, 1982); *Những bức chân dung* (truyện ngắn, 1983); *Ngàn sau sông Dịch* (truyện ngắn, 1988); *Tiểu thuyết Lý Văn Sâm* (1992)...
- Giải thưởng Nhà nước về Văn học Nghệ thuật Việt Nam đợt 2 (2006)

HOÀNG VĂN BỔN (1928 - 2006)

- Trưởng ban biên tập Xưởng phim Quân đội NDVN
- Nguyên Chủ tịch Hội Văn học Nghệ thuật Đồng Nai khóa 2, Giám đốc Nhà xuất bản Đồng Nai, Ủy viên Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Đồng Nai, Ủy viên Ủy ban Toàn quốc Liên hiệp Văn học Nghệ thuật Việt Nam.
- Tác phẩm: Hơn 20 tiểu thuyết, tập truyện và hồi ký: *Vỡ đất* (tiểu thuyết, 1952); *Tướng Lâm Kỳ Đạt* (truyện thiếu nhi, 1962); *Trên mảnh đất này* (tiểu thuyết, 1962); *Hàm Rồng* (ký sự, 1968); *Sóng Hòn Mê* (ký sự, 1971); *Bầu trời mặt đất* (tiểu thuyết, 1981); *Người điên kể chuyện người điên* (truyện ngắn, 1992); *Vũ trụ* (ký sự, 1992); Bộ ba hồi ký: *Tuổi thơ ngọt ngào - Một ánh sao đêm - Ngôi sao nhớ ai* (1992 - 1994), *Tiểu thuyết sử thi 4 tập Nước mắt già biệt* (1998), *Nhớ người xưa* (tiểu thuyết 2003)...
- Giải thưởng: Giải hồng sen Vàng cho các kịch bản phim “*Chiến đấu giữ đảo quê hương*”, “*Hàm Rồng*” và “*Chiến thắng Xuân 1975 lịch sử*” và nhiều giải thưởng khác; Giải thưởng Văn học Nghệ thuật Bộ Quốc phòng cho những kịch bản phim về đề tài chiến tranh cách mạng (1995); Giải thưởng Nhà nước về Văn học Nghệ thuật đợt 2 (2006)...

NGUYỄN SỸ BÁ (1934 - 1997)

- Nhà giáo ưu tú - Huân chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng II - Huy chương "Vì sự nghiệp giáo dục".

- Giải thưởng: Giải nhì cuộc thi Viết về đề tài giáo dục đạo đức học sinh cấp I do Ủy ban VHGDNTN&ND Quốc hội tổ chức (Báo Khăn quàng đỏ đăng cai thực hiện); Giải B viết về đề tài nhà trường do Bộ Đại học và Trung học chuyên nghiệp tổ chức.

NGUYỄN XUÂN BẢO (Trúc Ngôn)

- Sinh năm: 1934

- Quê quán: Quảng Trị

- Địa chỉ: 100/23, đường Hà Huy Giáp, P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

- Tác phẩm: *Mấy nhành hoa tím* (tập thơ, 1997), *Tôi đi nhật bụi vàng* (tập thơ, 2008); *Trăng giêng* (2007); *Âm vang một dòng sông* (trường ca 2009).

HOÀNG KIM CHUNG (Anh Hoàng)

- Sinh năm: 1929

- Quê quán: Bắc Ninh

- Địa chỉ: 206 P. Trảng Dài, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

- Tác phẩm: *Thuở ban đầu* (truyện dài), *Dưới chân núi Minh Dạm* (tiểu thuyết), *Người đi tìm hạnh phúc* (tiểu thuyết), *Năm tôi học lớp 7* (truyện thiếu nhi), *Mái ấm* (truyện ký), *Người giữa trần ai* (truyện ký)

- Giải thưởng: Giải Ba cuộc thi viết kỷ niệm 50 năm Chiến khu Đ

TRẦN NGHỊ DŨNG

-Sinh năm: 1955

-Quê quán:

- Bí thư Huyện ủy huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

ĐỖ MINH DƯƠNG

Tên khai sinh: Đỗ Minh Đơn

- Sinh năm: 1948

- Quê quán: Thanh Hóa

- Địa chỉ: D3/17-18, đường Nguyễn Ái Quốc, KP6, P. Trung Dũng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

- Tác phẩm chính đã xuất bản: *Thư tình để ngỏ*, NXB Đồng Nai, 1990; *Chạnh lòng*, NXB Thanh Niên, 1997; *Tình yêu và định mệnh*, Quỹ sáng tạo Văn

học Hà Nội, 2002; *Hành trình lục bát*, NXB Văn học, 2003; *Với miền đất đỏ*, NXB Hội Nhà văn, 2007; *Đợi chờ bình minh em*, NXB Hội Nhà văn, 2009...

- Giải thưởng văn học: Giải C cuộc thi thơ năm 1975 của Tuần báo Văn Nghệ (Hội Nhà văn VN); Giải thưởng VHNT Trịnh Hoài Đức lần 1; Giải Nhì về thơ (không có giải nhất) cuộc thi viết về Chiến khu Đ nhân kỷ niệm 50 năm thành lập chiến khu -2001

HOÀNG NGỌC DIỆP (Hồng Ngọc)

- Sinh năm: 1959
- Quê quán: Thanh Hóa
- Địa chỉ: Nhà B3/210, KP3, P. Trung Dũng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
- Cơ quan công tác: Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch
- Tác phẩm: *Tình yêu thời hiện đại* (tập truyện, 1996), *Butom đi học* (tập truyện, 2005)
- Giải thưởng: Giải Nhì cuộc thi Văn học nghệ thuật chào mừng 310 năm Biên Hòa - Đồng Nai

NGỌC THÙY GIANG

- Tên khai sinh: Nguyễn Đức Nguyên
- Sinh năm: 1949
 - Quê quán: Đồng Nai
 - Địa chỉ: 6/5, ấp 2, xã Long An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai
 - Tác phẩm: *Điều trái tim chưa nói* (tập truyện ngắn, 1994), *Chia nửa cho ai* (tập thơ, 2009)
 - Giải thưởng: Giải thưởng Chân dung người lao động, 1996; Giải thưởng cuộc thi VHNT chào mừng Đồng Nai 300 năm.

TIÊU THANH GIANG (Giang Anh)

- Sinh năm: 1937
- Quê quán: Hải Dương
- Địa chỉ: 2Q, KP4, cư xá Phúc Hải, phường Tân Phong, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
- Tác phẩm: *Gió sông* (thơ, 2005);

BÙI KHƯƠNG THANH HÀ (Khương Hà)

- Sinh năm: 1985
- Quê quán:
- Địa chỉ: 17/2, Gia Yên, Gia Tân 3, Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai

TRẦN THỨC HÀ

- Sinh năm: 1937
- Quê quán: Quảng Bình
- Địa chỉ: E 31 B, Tổ 4, KP 1, P. Tân Hiệp, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
- Tác phẩm: *Trăng sáng như băng trời biếc xanh* (tập truyện), *Bên dòng Nhật Lệ* (tập truyện), *Mỹ nhân cổ* (tập truyện); *Bức ảnh* (tập truyện), *Nẻo khuất* (tập truyện)...
- Giải thưởng: Giải thưởng Lưu Trọng Lư (Quảng Bình) 1991 - 1995; Giải thưởng cuộc thi VHNT chào mừng 310 năm Biên Hòa - Đồng Nai.

NGUYỄN THÁI HẢI (Khôi Vũ)

- Sinh năm: 1950
- Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam
- Quê quán: Thái Bình
- Địa chỉ: 49 Nguyễn Ái Quốc, P. Tân Phong, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
- Tác phẩm: Trên 20 tập truyện, tiểu thuyết: *Chuyện ở dãy phố năm cũn* (truyện vừa - 1987); *Lời nguyện hai trăm năm* (tiểu thuyết - 1989) *Ngon lửa âm thầm* (tiểu thuyết - 1993); *Tri thiên mệnh* (tập truyện ngắn - 2001); *Bay với đôi tay trần* (tiểu thuyết - 2004); *Cái bóng* (Tiểu thuyết - 2005); *Những người nuôi lửa* (tiểu thuyết - 2005); *Như Biên Hòa* (hồi ức & truyện ký - 2005); *Vỡ dầm trong mắt* (tiểu thuyết - 2009); Trên 20 tập truyện cho thiếu nhi: *Cha con ông Mắt Mèo* (truyện vừa - 1993); *Những trái sao xoay* (truyện vừa - 1993); *Những ông tướng nhà trời* (truyện vừa - 2002); *Cánh chuồn kim biếc* (truyện dài 3 tập - 2004); Ngoài ra còn viết ca khúc: *Về Đồng Nai quê em* (một trong 10 ca khúc hay kỷ niệm 310 năm Biên Hòa - Đồng Nai)...
- Giải thưởng: Giải Nhất cuộc thi truyện ngắn tỉnh Đồng Nai năm 1985; Giải thưởng Hội Nhà văn Việt Nam 1989-1990; Giải B cuộc thi "Tình bạn tuổi thơ" của Quỹ Hỗ trợ văn học thiếu nhi Việt Nam - Đan Mạch năm 2006; Giải A giải thưởng Trịnh Hoài Đức lần 2 (2000 - 2005)...

LÊ THỊ KIM HẠNH

- Sinh năm: 1968
- Quê quán: Phú Thọ
- Cơ quan công tác: Phó phòng Văn hóa Thể thao Du lịch huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

TRẦN THU HẰNG (Mai Sơn)

- Sinh năm: 1975
- Quê quán: Hà Nam
- Địa chỉ: 32/3, KP4, P. An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
- Cơ quan công tác: Hội Văn học Nghệ thuật Đồng Nai

- Tác phẩm: *Chuyến tàu ước mơ* (truyện, 2003); *Cơn lũ, ốc sên và hoa hồng* (truyện, 2004); *Dàn đáy* (tiểu thuyết, 2005); *Chàng thợ gốm* (truyện thiếu nhi, 2005); *Rừng thiêng vậy gọi* (tiểu thuyết, 2006); *Trăng khuyết* (tập truyện, 2007); *Người đàn bà lau vong* (tiểu thuyết, 2008); *Thần đồng và cuộc chiến bảo vệ Thủy Tháp* (truyện thiếu nhi, 2009)...

- Giải thưởng: 02 giải thưởng về truyện ngắn của Hội VHNT Đồng Nai; giải Khuyến khích cuộc thi viết truyện ngắn Báo Văn nghệ Trẻ, 1998; Chung khảo cuộc thi tiểu thuyết 2004 - 2005 của Hội Nhà văn Việt Nam; Giải thưởng VHNT Trịnh Hoài Đức lần 2...

ĐẶNG MINH HÂN (Minh Thảo)

- Sinh năm: 1933
- Quê quán: Bình Thuận
- Địa chỉ: B7, khu cư xá Đài PTTH Đồng Nai
- Tác phẩm: *Nhớ quê hương* (tập thơ, 2005)

THẠCH HÀ

- Tên khai sinh: Hoàng Văn Hóa
- Sinh năm: 1953
- Quê quán: Hà Tĩnh
- Cơ quan công tác: Trưởng phòng Y tế huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai
- Tác phẩm: *Lời quê* (thơ, 2005)

VŨ ĐỨC HẬU

- Sinh năm: 1940
- Quê quán: Ninh Bình
- Địa chỉ: G112A, tổ 12, KP7, P. Long Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
- Tác phẩm: *Mùa trên đồng* (thơ, 2003); *Mùa tu hú gọi* (thơ, 2005); *Lời ru ngọn lửa* (thơ, 2007); *Chỉ có yêu thương* (thơ, 2009)...

NGUYỄN NĂNG HIỀN

- Sinh năm:
- Quê quán:
- Cơ quan công tác: Đài PTTH Đồng Nai

NGUYỄN HIẾU (Nguyễn Thảo)

- Sinh năm: 1968
- Quê quán: Quảng Nam
- Cơ quan công tác: Trưởng PTTH Thống Nhất B. H. Thống Nhất, T.Đồng Nai

NGUYỄN TÔN HOÀN

- Sinh năm: 1962
- Quê quán: Bình Định
- Cơ quan công tác: Thư ký Tòa soạn Báo Đồng Nai

NGUYỄN QUỐC HOÀN (Nguyễn Quang Minh)

- Sinh năm: 1945
- Quê quán: Hà Tĩnh
- Địa chỉ: H4, KP4, P. Tân Phong, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
- Tác phẩm: In chung nhiều tuyển tập
- Giải thưởng: Giải Khuyến khích cuộc thi viết "Sáng danh truyền thống hộ đội Cụ Hồ" (Báo Cựu chiến binh Việt Nam 2009) và một số giải thưởng khác.

LÊ HOÀNG

- Sinh năm: 1954
- Quê quán: Quảng Nam
- Địa chỉ: K4/45A, Tân Mỹ, Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

PHAN QUANG HỢP

- Sinh năm: 1942
- Quê quán: Nghệ An
- Địa chỉ: E 422, tổ 4, KP5, P. Long Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
- Tác phẩm: *Theo dòng thời gian* (thơ, 2005)

BÙI QUANG HUY (Huy Anh)

- Sinh năm: 1962
- Quê quán: Quảng Nam
- Cơ quan công tác: Nhà Xuất bản Đồng Nai
- Tác phẩm: *Nẻo đường thi ca* (LLPB, 1994), *Lý Văn Sâm toàn tập* (3 tập, 2003), *Lý Văn Sâm - nhà văn đường rừng* (LLPB, 2005), *Trung tướng Nguyễn Bình* (kịch bản phim)....
- Giải thưởng: Giải thưởng VHNT Trịnh Hoài Đức lần 1&2

TRƯƠNG NAM HƯƠNG

- Sinh ngày : 23-10-1963
- Quê quán : Phú Vang -Thừa Thiên Huế
- Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam
- Hiện là Ủy viên Ban chấp hành, Phó Chủ tịch Hội đồng thơ, Trưởng Ban sáng

tác Hội Nhà văn Tp. Hồ Chí Minh.

- Tác phẩm: *Khúc hát người xa xứ* (thơ, 1990); *Có, tuổi hai mươi* (thơ, 1992); *Ban mai xanh* (thơ, Nxb. Đồng Nai 1994); *Ngoảnh lại tháng năm* (thơ, 1995); *Thơ tình Trương Nam Hương* (thơ, 1995); *Viết tặng những mùa xưa* (thơ, Nxb. Thanh niên 1999); *Thơ với tuổi thơ* (thơ, 2005); *Đường thi ngẫu dịch* (thơ dịch, 2007); *Ra ngoài ngàn năm* (2008); *Mini thơ* (2008)

- Giải thưởng: Giải thưởng thơ của Hội Nhà văn Việt Nam, 1991; Giải thưởng thơ tạp chí Văn nghệ Quân đội (1989-1990); Tặng thưởng Văn học thiếu nhi Hội Nhà văn Việt Nam, 1995; Giải thưởng thơ Liên hiệp Văn học Nghệ thuật Việt Nam, 2000; Giải thưởng dịch thơ (tạp chí Văn học Nước ngoài 1998); Được bình chọn là *nhà thơ được yêu thích nhất* 1992 (báo Người Lao Động)

VŨ XUÂN HƯƠNG

- Sinh năm: 1956

- Quê quán: Thanh Hóa

- Tác phẩm: *Sông trưa* (thơ, 1996); *Dòng sông mở đất* (trường ca, 2000); *Bụi thiên hà* (2009).

- Các giải thưởng: Giải thưởng Thơ, Hội Văn nghệ Thanh Hóa, 1988 - 1978; Giải thưởng Thơ, Hội Văn nghệ Đồng Nai, 1975 - 1985; Giải thưởng Văn học dịch, Hội Nhà văn Việt Nam và Hội Hữu nghị Việt - Xô, 1990; Giải Ba cuộc thi Thơ, tạp chí Văn nghệ Quân đội, 1998 - 1999.

DƯƠNG DỨC KHÁNH

- Sinh năm: 1960

- Quê quán: Thừa Thiên Huế

- Địa chỉ: 40A, Khu I, Long Khánh I, xã Tam Phước, H.Long Thành, T.Đồng Nai

- Tác phẩm: *Lạc dòng* (thơ, 2006)

- Giải thưởng: Giải Nhất cuộc thi truyện ngắn 1200 từ báo Tuổi trẻ, 2007.

LÊ DĂNG KHÁNH

- Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam

- Sinh năm: 1947

- Quê quán: Hà Nam

- Địa chỉ: A 10, cư xá Tỉnh ủy, P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

- Tác phẩm: *Tiếng chim mắc nợ* (thơ, 1995); *Kẻ đánh thuế đời mình* (tập truyện, 1997); *Đến hẹn* (tập thơ, 2005); *Hoa cúc ổi* (tiểu thuyết, 2007)...

- Giải thưởng: Giải ba cuộc thi truyện ký của Bộ Lâm nghiệp và Hội Nhà văn Việt Nam, giải thưởng VHNT Trịnh Hoài Đức lần 2

NGỌC KHÁNH

- Tên khai sinh: Nguyễn Thị Khánh
- Sinh năm: 1956
- Quê quán: Vĩnh Phúc
- Cơ quan công tác: Trường PTTH Nhơn Trạch, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

ĐỖ TIẾN KHẢI

- Sinh năm: 1948
- Quê quán:
- Địa chỉ: Số 36, cư xá Tỉnh ủy, P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, T. Đồng Nai

THÂN VĂN KÍCH (Thân Viễn Xa)

- Sinh năm: 1959
- Quê quán: Bắc Ninh
- Địa chỉ: 28/9S, KP Bình Dương, phường Long Bình Tân, Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

TẠ THỊ THANH LAN (Tạ Thanh Lan)

- Sinh năm: 1985
- Quê quán:
- Địa chỉ:
- Cơ quan công tác:
- Giải thưởng: Giải Nhì cuộc thi *Bút mới* lần 2 (Báo *Tuổi trẻ* tổ chức)

TRẦN THỊ HƯƠNG LAN

- Sinh năm: 1975
- Quê quán: Nam Định
- Cơ quan công tác: Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy tỉnh Đồng Nai

LÊ LIÊN

- Tên khai sinh: Lê Văn Liên
- Sinh năm: 1950
- Quê quán: Ninh Bình
- Cơ quan công tác: Ban Dân vận Tỉnh ủy tỉnh Đồng Nai
- Tác phẩm: *Một thời chiến tranh - một thời hòa bình* (thơ, 2004); *Miền lau trắng* (thơ, 2009)

Giải thưởng: Giải Nhì cuộc thi sáng tác VHNT chào mừng 310 năm Biên Hòa - Đồng Nai.

NGUYỄN THỊ LIỄU (Nhật Tú)

- Sinh năm: 1956
- Quê quán: Đồng Nai
- Địa chỉ: 16/2, khóm 1, P. Thống Nhất, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
- Cơ quan công tác: Công ty Cổ Phần Tập đoàn Giấy Tân Mai

NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LIỄU (Phố Nhi)

- Sinh năm: 1968
- Quê quán: Biên Hòa - Đồng Nai
- Địa chỉ:
- Cơ quan công tác: Báo Đồng Nai

LÊ CẨM LYNH

- Tên khai sinh: Lê Ngọc Lợi
- Sinh năm: 1951
- Quê quán: Hà Tĩnh
- Cơ quan công tác: Trường PTTH Nguyễn Trãi, TP. Biên Hòa, T.Đồng Nai

PHẠM BÌNH MINH

- Sinh năm: 1939
- Quê quán:
- Địa chỉ: 395/4, QL15, tổ 20, KP3, P. Long Bình Tân, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
- Tác phẩm: *Tiền Bức đi xa* (trường ca, 2003); *Khoảnh khắc thời gian* (thơ, 2004); *Lối chùi* (thơ, 2004); *Hương đời* (thơ, 2008).

TRẦN GIA MINH

- Sinh năm: 1957
- Quê quán:
- Địa chỉ: 97 đường 30/4, P. Thanh Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

NGUYỄN MỘT (Dạ Thảo Linh)

- Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam
- Sinh năm: 1964
- Quê quán: Quảng Nam
- Địa chỉ: 6A, đường Lý Văn Sâm, P. Tam Hiệp, TP. Biên Hòa, T.Đồng Nai
- Tác phẩm: *Long lanh giọt nắng* (truyện, 2003), *Quà của đất* (bút ký, 2003), *Như là cổ tích* (tập truyện ngắn, 2005), *Dòng sông độ lượng* (bút ký, 2007).

Đất trời vẫn vũ (tiểu thuyết, 2009)...

- Giải thưởng: 02 Giải thưởng cuộc thi sáng tác Hội VHNT Đồng Nai, Giải Nhì cuộc thi sáng tác kỷ niệm 55 năm chiến khu Đ, giải thưởng VHNT Trịnh Hoài Đức lần 2...

ĐINH THỊ NGA (Đinh Nga)

- Sinh năm: 1985
- Quê quán:
- Cơ quan công tác: Tòa soạn báo Mực Tím, 12 Phạm Ngọc Thạch, Q3, TP. Hồ Chí Minh

NGUYỄN HẢI KIM NGÂN

- Sinh năm: 1985
- Quê quán:
- Địa chỉ:
- Cơ quan công tác: Gv Trường THPT Long Thành

HOÀNG ĐÌNH NGUYỄN

- Tên khai sinh: Nguyễn Đình Hoàng
- Sinh năm: 1947
- Quê quán: Quảng Ngãi
- Địa chỉ: 100/19, đường Hà Huy Giáp, P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
- Tác phẩm: *Hai bờ thương nhớ* (lập thơ, 2005)
- Giải thưởng: Giải thưởng VHNT Trịnh Hoài Đức lần 2 (2000 – 2005)

NGUYỄN HOÀI NHƠN (Hoài Giang)

- Sinh năm: 1956
- Quê quán: Quảng Bình
- Địa chỉ: Ấp 3, xã Hiếu Liêm, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai
- Tác phẩm: *Câu hát quê nhà* (thơ, 1994), *Phù du trần thế* (thơ, 1995), *Nhật ký tìm trầm* (ký, 1996), *Trên những nẻo đường chiến tranh* (ký sự, 1997), *Tự biết* (lập thơ, 2009)..
- Giải thưởng: Giải Nhất cuộc thi Thơ Thanh niên xung phong TP Hồ Chí Minh, 1986; Giải ba cuộc thi bút ký báo Quân đội Nhân dân, 1988; Giải Khuyến khích thơ lục bát báo Văn nghệ, 2003; Giải Khuyến khích thơ báo Văn nghệ 2005...

VÕ NGUYỄN

- Sinh năm: 1957
- Quê quán:
- Địa chỉ: 259C, Nam Hòa, KP1, Phước Long A, Quận 9, Hồ Chí Minh
- Tác phẩm: *Mưa nắng Đồng Nai* (ký, 2005)

KIỀU VĂN PHẨM

- Sinh năm: 1936
- Quê quán: Hà Tây
- Địa chỉ: 27, tổ 1, KP1, P. Bình Đa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
- Tác phẩm: *Hương quê* (thơ, 2003); *Tìm nguồn* (thơ, 2006); *Đồng vọng* (thơ, 2008)..
- Giải thưởng: Giải Ba về thơ trong cuộc thi viết về An toàn giao thông (2003)

TRƯƠNG THANH PHẬN (Tri Tâm)

- Sinh năm: 1940
- Quê quán:
- Địa chỉ: 60B, tổ 2, KP 10, P. Tân Phong, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
- Tác phẩm: *Tình như trong mơ* (thơ, 2004)

NGUYỄN ĐỨC PHƯỚC

- Sinh năm: 1967
- Quê quán: Quảng Trị
- Cơ quan công tác: Giám đốc Trung tâm Y tế dự phòng huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai
- Tác phẩm: *Sông thiêng* (thơ, 2000); *Lời biển* (thơ, 2003); *Đêm khát* (thơ, 2008)
- Giải thưởng: Giải chính thức cuộc thi thơ Bác Hồ với chúng ta (Báo Văn nghệ 2003 - 2005); Giải tư cuộc thi Thơ tình (Báo Văn nghệ, 2006 - 2007); Giải Khuyến khích giải thưởng VHNT Trịnh Hoài Đức lần 2...

NGUYỄN THỊ HỒNG PHƯƠNG (Pha Lê)

- Sinh năm: 1937
- Quê quán: Quảng Bình
- Địa chỉ: 85 QL.51, P. Long Bình Tân, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
- Tác phẩm: *Sóng tâm tình* (thơ, 2004); *Trăng Trường Sơn* (thơ, 2005); *Mênh mông* (thơ, 2007); *Tiếng trăng* (thơ, 2009)...

DÀO SỸ QUANG (Thái Hà)

- Sinh năm: 1954
- Quê quán: Thái Nguyên
- Địa chỉ: 306, chung cư C2, P. An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

PHẠM THANH QUANG

- Sinh năm: 1951
- Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam
- Quê quán: Hà Nội
- Địa chỉ: 10A, K24, KP6, P. Tam Hiệp, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
- Nguyên Phó Chủ tịch Hội VHNT Đồng Nai.
- Tác phẩm: *Tình yêu thuở ấy* (tập truyện - 1993), *Chiều sông quê* (tập thơ, 1996), *Sương khói quê nhà* (tập thơ, 1999), *Khoảng lặng không gian* (tập thơ, 2000), *Địa linh* (tập truyện, 2001), *Tìm lại mỹ nhân* (tập truyện, 2004)...
- Giải thưởng: Giải khuyến khích kịch bản phim truyện - Hãng phim truyện VN 1997, Giải thưởng VHNT Trịnh Hoài Đức lần I (2000), Giải C Ủy ban Toàn quốc LH các Hội VHNT Việt Nam (2001)...

PHAN NAM SINH

- Sinh năm: 1940
- Quê quán:
- Địa chỉ: Nhà D6, tổ 18, KP6, P. Tam Hiệp, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

CAO XUÂN SƠN

- Bút danh khác: *Nguyễn Trúc, Việt Khương, Hà Thu Phan*
- Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam.
- Sinh ngày: 1961
- Quê quán: Hà Nam
- Nơi công tác: Nhà xuất bản Kim Đồng - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
- Tác phẩm: *Tự tình* (NXB Trẻ, 1989); *Đêm già biệt* (NXB Đồng Nai, 1990); *Cánh cửa khép hờ* (NXB Văn học, 1994); *Chuông lá* (NXB Thanh Niên, 1999); *Phố và em* (NXB Văn nghệ TP.HCM, 2002); *Hỏi lá hỏi hoa* (thơ, NXB Giáo Dục, 1995, đã tái bản nhiều lần); *Bố vắng nhà* (thơ, NXB Đồng Nai, 1997); *Mèo khóc chuột cười* (thơ, NXB Giáo Dục 2006, tái bản 2007, 2008); *Con chim xanh ngoài ô cửa* (tập truyện, NXB Đồng Nai, 1987); *Chiều mai, trời dừng mưa* (tập truyện, NXB Trẻ, 1998); *Đường đến lớp* (tập truyện, NXB Kim Đồng, 1998)

LA HỒNG SƠN

- Tên khai sinh : Nguyễn Đức Hiễn
- Sinh năm: 1952
- Quê quán: Hà Tĩnh
- Cơ quan công tác: Trường PTTH Xuân Lộc, huyện Xuân Lộc, T.Đồng Nai

ĐÀO NGUYỄN THẢO

- Sinh năm: 1987
- Quê quán:
- Địa chỉ: 801, tổ 10, ấp Đồng, xã Phước Tân, H.Long Thành, T.Đồng Nai.

LÊ VĂN THUẤN (Mai Thịnh)

- Sinh năm: 1942)
- Quê quán: Thái Bình
- Địa chỉ: 64, tổ 21, KP 5, phường Trảng Dài, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
- Tác phẩm: *Hoa xưa hoa nay* (thơ, viết chung Hoàng Minh Tranh, 2006)

NGUYỄN DUY THINH

- Sinh năm: 1940
- Quê quán:
- Địa chỉ: Tổ 35C, KP9, P. Tân Phong, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
- Tác phẩm: *Định hướng đúng của một nhà tư sản công giáo dân tộc* (truyện ký, 2001)

ĐÀO TRỌNG THỬ

- Sinh năm: 1949
- Quê quán: Ninh Bình
- Địa chỉ: E 625, tổ 33, KP. 5A, P. Long Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
- Tác phẩm: *Em bán sầu riêng* (thơ, 2005); *Mất ngủ* (thơ, 2007); *Dau* (thơ, 2009)

NGUYỄN DỨC THỌ (1955 - 2001)

- Nguyên: Phó Tổng biên tập báo Sông Phố, Phó Chủ tịch Hội Văn nghệ Đồng Nai.
- Tác phẩm: *Đêm dưới núi Đá Chông* (truyện ngắn, 1985); *Xứ sở tình yêu* (tiểu thuyết, 1989); *Bóng dáng yêu nhau* (truyện ngắn, 1991); *Dấu chân Tiên* (truyện ngắn, 1993); *Hồi ức làng Che* (truyện ngắn, 1989)...
- Giải thưởng: Giải ba báo Nông nghiệp Việt Nam với truyện ngắn Hồi ức làng Che năm 1989; Giải nhất cuộc thi truyện ngắn báo Tuổi Trẻ năm 1989, Giải thưởng VIINT Trịnh Hoài Đức lần 1 (2000)...

HÀ THU THỦY

- Sinh năm: 1954
- Quê quán: Đồng Nai
- Cơ quan công tác: Giáo viên Trường Trịnh Hoài Đức

HOÀNG MINH TRANH (Tùng Ảnh)

- Sinh năm: 1952
- Quê quán: Hà Tĩnh
- Địa chỉ: 72 đường Đồng Khởi, P. Trảng Dài, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

THU TRÂN (Nguyễn Thu Trân)

- Sinh năm 1963;
- Hội viên Hội nhà văn Việt Nam.
- Tác phẩm: *Đường bông bóng bay* (truyện dài - 1993), *Trò chơi của biển* (truyện vừa - 1994); *Con mèo lửa* (truyện dài - 1997); *Những dòng sông búp bê* (tập truyện ngắn - 1999); *Nhà có cửa sổ tròn* (truyện vừa - 2001); *Tóc mây vùa hè* (truyện dài - 2002); *Ông thầy cũ kỹ* (tập truyện ngắn - 2002); *Áo đen viền trắng* (truyện dài - 2002)...
- Giải thưởng: Giải thưởng Hội nhà văn Việt Nam năm 1993; Giải thưởng của Hội nhà văn Việt Nam và Tổ chức Nhi đồng Liên hiệp quốc năm 1997; Giải thưởng văn chương Trịnh Hoài Đức do UBND tỉnh Đồng Nai trao tặng 1995 - 2000, 2000 - 2005; Giải B cuộc thi Văn học thiếu nhi "Vì tương lai đất nước" lần thứ III do Hội nhà văn TP. Hồ Chí Minh, NXB Trẻ, báo Tuổi Trẻ phối hợp tổ chức năm 2002...

NGUYỄN TÂN TRIỆU

- Tên khai sinh: Bùi Văn Thành
- Sinh năm: 1960
- Quê quán: Đồng Nai
- Địa chỉ: 112/17, ấp Vĩnh Hiệp, xã Tân Bình, huyện Vĩnh Cửu, T.Đồng Nai

Tủ Sách
NGUYỄN VĂN LONG
TUV.GD SỞ VH TTDL ĐỒNG NAI

TRẦN NGỌC TUẤN

- Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam
- Sinh năm: 1964
- Quê quán: Quảng Ngãi
- Địa chỉ: 42/4A, KP6, P. Thống Nhất, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
- Các tác phẩm chính: *Giác quan biến* - Thơ - NXB Đồng Nai 1994; *Giữa cỏ* - Thơ - NXB Văn hóa Thông tin 1996; *Chân chim hóa thạch* - Thơ - NXB Văn hoá Thông tin 1998; *Con mắt dã quỳ* - Thơ - NXB Hội Nhà Văn 2000; *Giữ dòng sông Đồng Nai* - Thơ - NXB Đồng Nai 2004; *Sưởi reo* - Thơ - NXB Hội Nhà Văn 2006...

- Giải thưởng VHNT: Giải thưởng VHNT Trịnh Hoài Đức lần 1&2; Giải thưởng cuộc thi sáng tác VHNT Kỷ niệm 300 năm Biên Hòa - Đồng Nai; Giải thưởng cuộc thi sáng tác VHNT về đề tài Chiến khu Đ;

PHAN HUYỀN TÙNG

- Sinh năm: 1936
- Quê quán: Quảng Ngãi
- Địa chỉ: Số 76, tổ 25A, KP2, P. Trảng Dài, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
- Tác phẩm: *Chiều mưa thành phố* (thơ, 2005)

BÙI QUANG TÚ

- Sinh năm: 1948
- Quê quán: Nghệ An
- Địa chỉ: A7, KP2, Khu quy hoạch nhà ở, đường Phan Trung, P. Tân Tiến, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
- Tác phẩm: *Chân dung một số nhà văn* (tập truyện, 1998), *Hương rừng* (tập truyện, 2000), *Những mẫu chuyện về quản lý giáo dục* (tập truyện, 2002)

PHAN VĂN TÚ (Phú Trang)

- Sinh năm: 1965
- Quê quán: Quảng Nam
- Cơ quan công tác: Hội Nhà báo tỉnh Đồng Nai
- Giải thưởng: Giải Ngôi bút vàng (Hội nhà báo Đồng Nai)

LÊ BÁ ƯỚC (Bảy Ước)

- Sinh năm: 1931
- Quê quán: Rạch Giá, Kiên Giang
- Địa chỉ: 98/10/12, P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
- Tác phẩm: *Một thời rừng Sác* (hồi ký, 2 tập); *Trái tim người lính* (tập thơ, 2005), *Tượng đài Dặc công rừng Sác* (đồng tác giả Trần Thanh Thanh và Đặng Sỹ Nguyên)
- Giải thưởng: Giải thưởng VHNT Trịnh Hoài Đức lần 1 (2000)

ĐÀM CHU VĂN

(Tên khai sinh: Đàm Xuân Nhiệm)

- Sinh năm: 1958
- Quê quán: Thái Bình
- Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam
- Phó Chủ tịch Hội Văn học Nghệ thuật Đồng Nai, Tổng biên tập tạp chí Văn nghệ Đồng Nai, Chuyên viên cao cấp Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy tỉnh Đồng Nai.

- Tác phẩm chính đã xuất bản: *Nắng ấm phù sa* (thơ, in chung 3 tác giả, 1985). *Và em chợt hiện* (thơ, 1992); *Dòng sông ngại chảy*. (thơ, 1998). *Tiếng mùa* (thơ, 2003); *Trong màu lá cây rừng* (truyện ký, 2003); *Cào cào giã gạo* (thơ thiếu nhi, 2005); *Thơ.câu đố, câu đố thơ*(thơ thiếu nhi, 2007); *Hai phía thời gian* (thơ, 2009)

- Giải thưởng: Giải Ba cuộc thi truyện ký báo Văn nghệ Đồng Nai năm 1982, Giải Nhì (không có giải nhất) về thơ cuộc thi VHNT tỉnh Sông Bé năm 1981-1982; Giải Ba về thơ Cuộc thi văn học nghệ thuật Đồng Nai kỷ niệm 10 năm giải phóng Miền Nam (1975- 1985); Giải Nhì (không có giải Nhất) về thơ Cuộc thi văn học nghệ thuật Đồng Nai chào mừng 300 năm Biên Hòa- Đồng Nai; Giải thưởng Văn học nghệ thuật Trịnh Hoài Đức đợt 1, đợt 2; Giải Tư Cuộc thi Thơ tạp chí Văn nghệ Quân đội 1995-1996; Giải Ba cuộc thi thơ tạp chí Văn nghệ Quân đội đề tài biên phòng 2003...

LÊ MẠC VY

- Sinh năm: 1985
- Quê quán:
- Địa chỉ: Ấp Nam Sơn, xã Quang Trung, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai
- Cơ quan công tác:

TRẦN NGỌC VINH (Ngọc Quang)

- Sinh năm: 1939
- Quê quán: Nghệ An
- Địa chỉ: 31, đường 13, KP5, P. Hiệp Bình Chánh, Q. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh
- Tác phẩm: *Khát vọng yêu* (thơ, 1993);

LÊ THANH XUÂN

- Sinh năm: 1948
- Quê quán: Thanh Hóa
- Địa chỉ: 96/32, KP3, P. Tân Tiến, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
- Tác phẩm: *Trăng qua nhũ* (thơ, 1989); *Tiếng ru đêm* (thơ, 2000). *Đồng hành* (thơ, 2001); *Âm điệu quê hương* (thơ, 2002); *Trong vườn* (thơ thiếu nhi, 2003); *Khoảng cách thời gian* (thơ, 2006); *Hồn đá* (thơ, 2006)...
- Giải thưởng: Giải Khuyến khích cuộc thi bút ký Hội Nhà văn Việt Nam 1986 -1987; Giải ba cuộc thi Báo Văn nghệ 1998 - 2000; Giải B giải thưởng VHNT Trịnh Hoài Đức lần 2...

BA MƯƠI NĂM VĂN XUÔI ĐỒNG NAI- MỘT PHÁC THẢO

BÙI CÔNG THUẤN

1. TÁC GIẢ VÀ TÁC PHẨM

Trong 30 năm phát triển của Hội VHNT Đồng Nai (1979-2009), đội ngũ tác giả văn xuôi ít hơn tác giả thơ. Hai tác giả lớn của văn xuôi Đồng Nai là Lý Văn Sâm và Hoàng Văn Bốn. Nhưng thời gian này, Lý Văn Sâm chỉ có hai truyện ngắn: *Chuyện ấy đã qua rồi* (1979) và *Chuyện người thổi sáo ở Bến Xuân* (1991). Nhà văn Hoàng Văn Bốn, chỉ tính từ 1979 trở đi, đã viết 24 tác phẩm, trong đó có nhiều bộ tiểu thuyết sử thi như *Miền đất ven sông* (3 tập, 1984), *Khúc nghệt* (4 tập, 1990), *Nước mắt già biệt* (4 tập, 1994). Khôi Vũ là nhà văn viết rất khoẻ. Anh đã in 25 tác phẩm. Nhà văn Phạm Thanh Quang in 8 tác phẩm. Lê Đăng Kháng: 6, Nguyễn Đức Thọ: 6, nhà văn nữ Thu Trân: 10. Nhà văn trẻ Nguyễn Một: 9, nhà văn trẻ Trần Thu Hằng: 9⁽¹⁾ v.v... Nếu tính số lượng tác phẩm của các nhà văn Đồng Nai đã in trong 30 năm qua, con số là trên 200 tác phẩm truyện ký. Quả là một đóng góp rất lớn vào văn học Miền Đông Nam bộ.

Trong 30 năm ấy, Đồng Nai đã mất đi những nhà văn tài năng như Lý Văn Sâm (1921-2000), Nguyễn Đức Thọ (1955-2001), Hoàng Văn Bốn (1928-2006)... Nhưng cũng có thêm các cây bút trẻ đầy triển vọng như Nguyễn Một (sinh năm 1964), Trần Thu Hằng (sinh năm 1975)...

Một số giải thưởng tiêu biểu (không kể giải thưởng Trịnh Hoài Đức của Đồng Nai và giải thưởng của các báo, tạp chí ở Trung ương):

Lý Văn Sâm: Giải thưởng Nhà nước về Văn học Nghệ thuật năm 2006.

Hoàng Văn Bốn: Giải thưởng Nhà nước về Văn học Nghệ thuật năm 2006.

Khôi Vũ: Giải thưởng của Hội Nhà Văn Việt Nam 1988-1989, tác phẩm *Lời nguyện hai trăm năm*.

Thu Trân: Giải thưởng Hội Nhà Văn Việt Nam, tác phẩm *Đường bong bóng bay*.

Lê Đăng Kháng: Giải Ba truyện ký của Bộ Lâm Nghiệp và Hội Nhà văn Việt Nam 1982 (Ánh trăng rừng iếch)

Phạm Thanh Quang: Giải Ba, Ủy ban toàn quốc LHVHNT Việt Nam 2001 với tập truyện *Địa linh*...

2. NHỮNG KHUYNH HƯỚNG CHÍNH CỦA VĂN XUÔI ĐỒNG NAI

Hoàng Văn Bốn viết nhiều về đề tài cách mạng và kháng chiến, đặc biệt ông xây dựng những bộ sử thi miêu tả cuộc đấu tranh lâu dài của nhân dân Đồng Nai, chẳng hạn, *Miền đất ven sông* phản ánh hiện thực đấu tranh cách mạng từ những năm 1940 đến 1954. Đề tài của ông rất rộng. *Bầu trời mặt đất* (1981) viết về cuộc chiến đấu của không quân nhân dân Việt Nam. *Sóng bạc đầu* (1982) viết về cuộc chiến đấu của hải quân nhân dân mình. Ông cũng viết những trần trở của mình về thời đất nước chuyển sang nền kinh tế thị trường (*Tình đời đen bạc*, 1988 - *Người diên kể chuyện người diên*, 1992...), *Lũ chúng tôi* (1981), *Gặp lại một dòng sông* là những ký ức của tác giả về quê hương. Hoàng Văn Bốn qua đời, mảng văn học viết về đề tài chiến tranh cách mạng ở Đồng Nai khó có người kế thừa. Có thể nói Hoàng Văn Bốn là nhà văn đóng góp nhiều hộ tiểu thuyết sử thi cho văn học Việt Nam.

Đề tài chiến tranh cách mạng cũng được nhà văn khác khai thác. *Mặt trận thầm lặng* của Anh Hoàng, *Viên gạch lạ*, *Mười đờ* của Tấn Hoài, *Chuyện nhà tôi* của Trần Thúc Hà, *Người ở miệt vườn* và *Mùa trái cây* của Nguyễn Đức Thọ. Khuynh hướng chung là ngợi ca những nhân vật anh hùng của chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong đấu tranh sống còn với kẻ thù, chia sẻ những đau thương mất mát không sao bù đắp được của những người còn sống.

Viết về người lính trong chiến tranh và trong hòa bình, Nguyễn Đức Thọ có *Xứ sở tình yêu*, *Ốc mượn hồn*, Phạm Thanh Quang có *Tình yêu thuở ấy* và *Địa linh*, Lê Đăng Kháng có *Tàu đến ga Long Khánh*, Trần Thúc Hà có *Hai ngôi mộ*, *Nén nhang ngoài khuôn viên*, *Xế chiều*. Lê Bá Ước có *Một thời rừng Sác*. Người lính trong chiến đấu, họ dũng cảm hy sinh nhưng trong cuộc sống thời kỳ đầu chuyển sang kinh tế thị trường, nhiều người đã gặp bi kịch. Người lính của Phạm Thanh Quang trong *Tình yêu thuở ấy* đi vào chiến trường như đi vào ngày hội “*Tôi trở thành anh bộ đội khi chỉ còn hai tháng nữa là thi hết cấp 3 phổ thông - vừa chớm 17 tuổi*” (tr. 6). “*Tôi mong tới chiến trường như mong tới hội hoa xuân*” (tr. 10). *Ốc mượn hồn* của Nguyễn Đức Thọ gửi lại người đọc một “*bản di chúc lạ lùng nhất trên cõi đời*”, di chúc của người lính tự chọn cái chết, dù dầy dạn chiến trường nhưng lại “*khó thích ứng với hoàn cảnh dân sự*”.

Khi đời sống kinh tế thị trường đi vào ổn định và phát triển, nhà văn khai thác nhiều những cảnh đời mới. Khôi Vũ là nhà văn xông xáo mạnh mẽ trong mảng đề tài này. Từ *Chuyện ở dãy phố Năm Căn*, *Người có một thời đến Cái bóng*, *Phía sau một khách sạn*, *Vỡ đản trong mắt* và *Tri thiên mệnh*. Khôi Vũ đã ghi nhận nhiều biến thái xã hội, nhiều đổi thay nhân cách nhiều số phận quay quắt trong vòng xoáy của cuộc đời. Anh “*lăn mình vào cuộc sống... thấy hết sự đa dạng và luôn bất ngờ của cuộc sống..., thấy nhiều điều đáng yêu và không*

thiếu điều đáng ghét” (tr. 10 - *Tri thiên mệnh*). Giữa những hỗn hắc da đoan của cõi người, anh đã tìm thấy viên ngọc quý nơi cuộc sống những người lao động lương thiện. Lê Đăng Kháng trong *Kẻ đánh thuế đời mình* đã chỉ ra sự tha hóa nhân cách của con người trong thời đại đảo điên, luồn lách, cơ hội, trơ trẽn, những kẻ do thời cơ đưa đẩy mà hãnh tiến, tất cả đều phải trả giá như một sự tự đánh thuế đời mình, dù vậy truyện của anh thường kết thúc có hậu, đưa nhân vật trở về với giá trị thực làm người. Trần Thu Hằng đi sâu khai thác thân phận của những nghệ sĩ đàn hát ca trù (*Đàn đáy*) và đi sâu vào bi kịch của một gia đình trí thức (*Người đàn bà lưu vong*). Hoàng Kim Chung quen thuộc với đời sống gia đình hô đội, công chức viên chức (*Mái ấm* - 2004). Các nhà văn còn mở rộng biên độ thời gian và hoàn cảnh. *Hồi ức làng Che* của Nguyễn Đức Thọ là thân phận hoá đá của những kiếp oan khiên từ thời cải cách ruộng đất. Anh miêu tả được nhiều bi kịch dần dựa nước mắt của những kiếp người trong những cơn bão của thời đại (2). Trần Thúc Hà viết tiểu thuyết lịch sử về Nguyễn Hữu Cảnh nhưng chưa thành công. Thu Trân, Hoàng Ngọc Diệp, Trần Thu Hằng, Khôi Vũ và Phạm Thanh Quang có nhiều truyện cho thiếu nhi. Các nhà văn chú ý nhiều đến trẻ em bất hạnh, những đứa trẻ lang thang. Trong *Nhà có cửa sổ tròn*, Thu Trân viết về ước mơ của cô bé Thổ Ngọc bị liệt phải ngồi xe lăn. *Tóc mây vữa hè* viết về cuộc sống của 4 bạn gái: Cỏ Gai, Đuôi Gà, Tơ Hồng, Me Chua. Thu Trân khẳng định những mặt tốt đẹp của tuổi mới lớn bất hạnh. Trong *Chú bé phiêu lưu*, Khôi Vũ kể chuyện đám trẻ lang thang sống trong nhà tình thương. Khôi Vũ nhấn mạnh đến ước mơ tuổi thơ trong truyện *Thằng heo sữa*. Nguyễn Một viết về người anh hùng Điểu Cãi và Hồ Thị Hương trong *Màu hoa trắng* (Nxb Kim Đồng, 2001). Hoàng Ngọc Diệp có *Bươm đi học*, gồm 27 truyện ngắn viết cho lứa tuổi tiểu học chứa đựng những bài học nhẹ nhàng. *Bay lên thiên thần* của Diệp Kim Anh có nhiều truyện hay. *Thần đồng và cuộc chiến bảo vệ Thủy Tháp* của Trần Thu Hằng là một truyện khoa học viễn tưởng thật hay, thấm đẫm tư tưởng nhân văn dành cho lứa tuổi thiếu niên.

Ký Đồng Nai cũng có những thành tựu. Nhiều bài viết đạt đến tính nghệ thuật cao của văn chương. Đàm Chu Văn có tập truyện ký *Trong màu lá cây rừng* (NXB Đồng Nai 2004). Lê Thanh Xuân có bút ký *Thác reo*, *Sóng hai bờ Cù lao Phố* (giải Khuyến khích báo Văn nghệ - 1985). Nguyễn Một có *Quà của đất* gồm 22 bài ký và tạp bút viết về nhiều vùng đất khác nhau nhưng đậm nét về con người Đồng Nai. *Giữa đời thường* gồm 13 bài khắc họa chân dung doanh nhân Đồng Nai và *Dòng sông độ lượng* viết về “giang người tốt việc tốt”, Nguyễn Yên Tri có tập *Nhà giáo Đồng Nai*. Anh hiểu sâu sắc về nhà giáo và những nỗ lực vươn lên của họ. Cách viết sinh động và chân thành. Nguyễn

"Tân Triều có bài ký *Bến bằng lăng*.

Về Lý luận và phê bình văn chương, Đồng Nai cũng có những khuôn mặt chuyên nghiệp ở lĩnh vực này. Bùi Quang Huy được coi là nhà "*Lý Văn Sâm học*". Anh dành hàng chục năm để sưu tầm tác phẩm của Lý Văn Sâm. Anh có mấy chục bài viết nghiên cứu về tác giả này. Công việc của anh là một đóng góp đáng kể cho văn nghệ Đồng Nai. Bùi Quang Tú có *Một vài chân dung văn nghệ*, anh có nhiều tư liệu văn chương quý về các nhà văn. Phan Nam Sinh cũng là một cây bút viết phê bình văn chương sắc sảo và uyên bác. Bùi Công Thuận có *Chút tình tri âm* như là một nỗ lực đóng góp tiếng nói vào phê bình văn chương chung, một lĩnh vực đang có rất nhiều trì trệ và không theo kịp sự phát triển của sáng tác văn chương.

3. HÀNH TRÌNH NGHỆ THUẬT CỦA VĂN XUÔI ĐỒNG NAI

Trong 30 năm qua, truyện ký trong cả nước có cố gắng cách tân về nhiều mặt cả về nội dung và nghệ thuật, quyết liệt nhất là sự từ bỏ phương pháp Hiện thực xã hội chủ nghĩa. Tức là từ bỏ nhiệm vụ *phản ánh hiện thực cách mạng*, từ bỏ nhiệm vụ phục vụ trực tiếp các nhiệm vụ chính trị của Đảng, nhà văn từ bỏ vai trò *người chiến sĩ* trên mặt trận văn hóa trong cuộc đấu tranh tư tưởng. Cũng đồng thời từ bỏ trách nhiệm góp phần cải tạo xã hội của văn chương. Nhiều tác phẩm đi sâu vào sự thực tình và được viết với cảm hứng phê phán, nhất là những năm đầu thời kỳ đổi mới (1986-1995). Những năm gần đây văn chương còn khai thác đề tài sex và những thể nghiệm Hậu hiện đại...

Văn xuôi Đồng Nai vẫn được viết trong truyền thống của văn chương Hiện thực xã hội chủ nghĩa. Bám sát hiện thực, khẳng định cái mới cái tốt, cách viết thiên lãng mạn cách mạng. Nhà văn vẫn kiên trì nhiệm vụ "*phản ánh hiện thực*", thực hiện thiên chức tạo ra cái đẹp để bồi dưỡng thế giới tinh thần người đọc. Mỗi nhà văn đều cố gắng khắc họa con người Đồng Nai hôm qua và hôm nay, đều thể hiện tấm lòng và tâm huyết của mình với Đồng Nai, tô đậm thêm những truyền thống văn hóa Đồng Nai. Trang văn xuôi Đồng Nai lấp lánh những tấm lòng nhân ái và vẻ đẹp nhân văn. Điều này không có nghĩa là nhà văn Đồng Nai không trần trụi trước hiện thực⁽¹⁾.

Hành trình nghệ thuật của văn xuôi Đồng Nai cũng có những nỗ lực đáng kể. Nhà văn Hoàng Văn Bồn dồn hết tâm huyết của mình vào những bộ sử thi về đất nước và con người Đồng Nai trong cách mạng và kháng chiến. Tuy chưa gặt hái được nhiều thành công về thể loại, song đây là một đóng góp đáng kể vào văn xuôi cả nước⁽²⁾. Lý Văn Sâm là một nhà văn tài hoa, song thành tựu của ông chủ yếu ở vào giai đoạn (1942-1954). Khôi Vũ cũng có nhiều nỗ lực đổi mới. *Lời nguyện hai trăm năm* của anh vừa lạ về câu chuyện anh kể và về

cách viết (tác phẩm này được giải thưởng của Hội Nhà văn Việt Nam 1988-1989)¹⁵. Nhưng anh không dừng ở đó. Anh còn thể nghiệm bút pháp hiện thực và huyền thoại trong *Những người nuôi lửa*, thể nghiệm kiểu kết cấu nghệ thuật mới trong *Bay với đôi tay trần* và thay đổi hướng viết, anh hướng về những con người “dưới đáy xã hội” trong *Phía sau một khách sạn*. Người đọc cũng nhận ra anh nâng dần khuynh hướng viết kiểu truyện tư tưởng thay vì chỉ phản ánh hiện thực trong *Vỡ dân trong mắt*. Trần Thu Hằng là nhà văn trẻ, bút lực mạnh mẽ, năng lực sáng tạo dồi dào, ngôn ngữ giàu tính trí tuệ. Chị thành công với thể loại truyện hư cấu (fiction) trong *Vườn đá* và *Người đàn bà lau vong*¹⁶, chị còn có tác phẩm khoa học viễn tưởng viết cho thiếu nhi. Đó là kiểu truyện không viết để phản ánh mà thể hiện tư tưởng. Tôi tin rằng Trần Thu Hằng còn có khả năng đi xa. Tác phẩm của chị giàu tính nhân văn.

Một nhà văn nếu viết chủ yếu bằng vốn sống thì khi những trải nghiệm đã với cạn, anh ta sẽ không thể viết được nữa. Và khi hiện thực bị vượt qua thì những gì đã được viết ra sẽ trở nên lạc hậu. Nhà văn viết bằng sự sáng tạo để trình bày vấn đề tư tưởng, nếu sự sáng tạo ấy độc đáo và tư tưởng được trình bày là những tư tưởng tiến bộ, tác phẩm sẽ có cơ may đứng được lâu dài. Vốn sống là điều kiện quan trọng để sáng tác, nhưng năng lực sáng tạo mới quyết định phẩm chất nhà văn. Không có năng lực sáng tạo thì không thể thành nhà văn, có chăng chỉ là những “người thợ khéo tay làm theo một vài kiểu mẫu” (chữ của Nam Cao)

4. MỘT CÁI NHÌN XA VỀ TƯƠNG LAI VĂN XUÔI ĐỒNG NAI

Văn xuôi Đồng Nai phát triển trên nền văn chương truyền thống Nam Bộ, và đã có những đóng góp nhất định làm phong phú truyền thống ấy. Tuy nhiên, nhìn về lâu về dài, đội ngũ viết văn xuôi ở Đồng Nai còn rất mỏng. Những nhà văn có được những thành tựu hầu hết đã lớn tuổi. Nhiều người đã chững lại. Cố nhà văn Nguyễn Đức Thọ, lúc sinh thời, nhìn về tương lai con đường văn chương của mình, thốt ngâm câu Kiều “*Đường xa nghĩ nổi sau này mà kinh*”. Anh tâm sự: “*Tôi rất thích viết truyện ngắn, nhưng càng viết càng thấy khó, đó là sự lúng túng về bút pháp mà tác giả nào cũng gặp trong từng giai đoạn sáng tác của mình*”¹⁷. Lớp nhà văn trẻ bổ sung còn rất thưa thớt. Mặc dù trước đây Hội VHNT Đồng Nai, qua tập san Dưới Mái Trường, có nhiều nỗ lực phát hiện và bồi dưỡng các mầm non văn chương, song kết quả không mấy khả quan. Một vài tác giả trẻ mới xuất hiện, và chúng ta còn phải chờ đợi. Lúc kỷ niệm 20 năm Hội VHNT Đồng Nai (1999), nhà thơ Đàm Chu Văn cũng đã đặt vấn đề này: “*Đa số hội viên phải tự thân vận động là chính. Tôi cứ băn khoăn về sự phát hiện và tạo điều kiện cho các cây bút mới xuất hiện và phát triển những năm gần*

đây..."⁽⁸⁾. Thực trạng này đặt ra một trách nhiệm rất khó khăn cho lãnh đạo Hội.

Nhìn ở thành tựu văn chương, Đồng Nai chưa có được những tác phẩm lớn. Có lẽ đã đến lúc nhà văn Đồng Nai nên dành một phần thời gian, sức lực, tâm huyết đầu tư cho tác phẩm của mình. Hy vọng 30 năm sau chúng ta có thể mừng nhau về những nỗ lực sáng tạo đạt được tầm vóc quốc gia và quốc tế. Tôi nghĩ đó không hẳn là ước mơ mà là yêu cầu tiến lên của văn nghệ Đồng Nai.

(1) Đây không phải là con số chính thức của Hội VHNTĐN, con số do tác giả tự tìm kiếm. Nếu có thiếu sót, xin các tác giả lượng thứ

(2) Bùi Công Thuấn, *Hồi ức Làng Chè, Sự thăng hoa của những nỗi đau bi kịch*, Sông Phố, Xuân Canh Thìn 2000

(3) Bùi Công Thuấn, *Người diên kể chuyện người diên*, Sông Phố 1993

(4) Bùi Công Thuấn: *Đọc Miền đất ven sông*, thử tìm hiểu tiểu thuyết sử thi của Hoàng Văn Bốn. Xem trang web của Hội Nhà Văn Việt Nam: <http://hoinhavannvietnam.vn/News.asp?cat=8&scat=&id=1735>

(5) Bùi Công Thuấn: *Đọc Lời nguyện hai trăm năm của Khôi Vũ*, Báo Văn Nghệ số 40 (1993) ngày 02. 10. 1993

(6) Bùi Công Thuấn: *Thần phận lưu vong*, trang web Hội Nhà Văn VN : <http://hoinhavannvietnam.vn/News.asp?cat=&scat=35&id=1278>

(7) (8) Báo Đồng Nai ngày 18/12/1999, tr. 4

THƠ ĐỒNG NAI, HÀNH TRÌNH 30 NĂM

BÙI CÔNG THUẤN

Trong 30 năm qua, Văn nghệ Đồng Nai đã có hàng trăm tập thơ được xuất bản, nhà thơ Đồng Nai đã cảm nhận gì, đã nói tiếng nói gì của tâm hồn mình trước những cái vụn mình đau đớn của lịch sử và thời đại?

Trước hết nhà thơ nào cũng tỏ lộ lòng mình với quê hương ruột thịt, nơi chôn nhau cắt rốn, với những kỷ niệm ấu thơ, với mẹ, với người thân yêu. Quê hương ruột thịt ấy làm nên căn cốt nhà thơ.

*"Xa quê mấy chục năm rồi
Khôn người thừa ruộng cát bồi vồng khoai"*

(Đỗ Minh Dương)

Đồng Nai là quê hương thứ hai của hầu hết các nhà thơ Đồng Nai. Nơi này đất hiền người lành nhưng cũng là vùng đất "gian lao mà anh dũng". Đàm Chu Văn có *Đồng Nai tráng khúc* khá hay và giá trị, thể hiện được truyền thống lịch sử và hào khí Đồng Nai. Các nhà thơ khác thì viết về các địa danh, cuộc sống ở Đồng Nai tươi đẹp, sôi nổi: *Thăm Văn miếu Trấn Biên* (Đỗ Minh Dương), *Soi gương hồ Trị An* (Vũ Đức Hậu), *Đêm Biên Hòa* (Nguyễn Hiếu), *Chợ Vĩnh An* (Phan Quang Hợp), *Trở lại Đồng Nai* (Vũ Xuân Hương), *Mùa cao su thay lá* (Ngọc Khánh), *Trẩy hội Chiến khu D* (Lê Liên), *Chiều Gia Ray* (La Hồng Sơn), *Cù lao Phố*, *Mộ cổ Hàng Gòn* (Lê Thanh Xuân), *Ký ức cánh đồng* (Dương Đức Khánh)... Tình yêu với quê hương Đồng Nai cũng thấm thiết trong sự khám phá riêng của mỗi nhà thơ:

*Câu Ghềnh nam nữ sóng đôi
Trăng Cù lao sáng giữa trời - trăng yêu
(Trăng Cù lao Phố - Đào Trọng Thử)*

Mùa mưa quay lại Trị An
Nhìn mênh mông nước vồng ngàn bờ xanh
Soi vào quá khứ lung linh
Nắm cơm hậu cứ lặng thinh nuôi người..
(Trầm tích Chiến khu D - Phan Quang Hợp)

Đề tài đau đáu trong lòng các nhà thơ là những hoài niệm đẹp về thời kháng chiến chống Mỹ, với tình đồng đội, tình quê hương sâu nặng. Tất cả đã trở thành những giá trị của đời lính, và trở thành thang giá trị để đo cuộc sống hiện tại. *Nằm võng giữa Chiến khu* (Đỗ Minh Dương) là một bài hay và là một bài lục bát tài hoa. *Tim Ba, Viếng đồng hương* (Thạch Hà) là những bài thơ nặng tình nghĩa với người đã hy sinh. *Rừng gọi* (Vũ Đức Hậu) là tiếng lòng thiết tha của người lính. Đỗ Minh Dương, Đào Trọng Thứ, Hải Ba có nhiều bài thơ hay về mảng đề tài này, và dường như các anh chỉ làm thơ hay ở chính những gì các anh đã trải nghiệm trong chiến đấu và hy sinh.

*Võng nghiêng về phía rừng dày
Bếp Hoàng Cầm tỏa ấm ngày khao quân
Võng chao cho dạ bản thân:
Thương hoài mắt mẹ trong lần tiễn đưa
Nghiêng rừng cơn sốt mùa mưa
Bạn hy sinh để võng thừa chông chênh...
(Nằm võng giữa Chiến khu - Đỗ Minh Dương)*

*...Hát ở trong hầm dứa nào cũng say
Như gió cuộn như nước xoáy
Gỗ lát hầm chính dòng nhạc dấy
Chúng tôi gọi là: "bản xô - nát xanh"*

*Chúng tôi để dành: "bản xô - nát chiến tranh"
Đường đạn thẳng tạo ra khung nhạc
Nốt trắng, nốt đen... là xe tăng đại bác...
Sẽ gầm lên sau phút dịu êm này"
(Hát ở trong hầm - Hải Ba)*

Trên nền của quá khứ hào hùng và hy sinh, nhiều nhà thơ không hòa lòng mình được với hiện tại còn ngổn ngang tối xấu. Có lẽ hơn ai hết, nhà thơ mang nỗi buồn đau chất ngất trong tim mình. Khi đất nước chuyển sang nền kinh tế thị trường, mọi giá trị như bị đảo lộn. Cuộc sống nể nếp lấy tình nghĩa làm trọng trở nên chông chênh. Khoảng cách giàu nghèo ngày càng gay gắt. Lối sống thực dụng thống trị mọi ngõ hẻm người. Nhà thơ chóng mặt với những quay quắt và không thích ứng được:

*Bán buồn mua được mấy vui
Bán quen mua lạ, bán xui mua hời*

*Chợ trời bán cái dờ hơi
Tôi dành mua hết ngậm ngùi vào thân
(Bán và mua - Nguyễn Hoài Nhơn)
Xu quê hơn bốn mươi năm
Đường gần lại hoá đường thăm thẳm dài...*

*Đi đâu rồi sẽ về đâu?
Nửa đêm chợ trắng mái đầu chiêm bao...
(Lê Thanh Xuân)*

Hiện tại lấp nấp, hiện tại công nghiệp hóa, tương lai rực rỡ, được ghi nhận trong những bài thơ: *Tình thơ trên công trường* (Nhật Tú), *Hội Xuân* (Nguyễn Thị Lệ Thủy), *Giữa màu xanh* (Thân Nghệ Thuật), *Tham quan bè cá La Ngà* (Nguyễn Thanh Tâm), *Xuân Lộc vào xuân* (Hoàng Vĩnh Phú), *Nhịp nhàng* (Kiều Văn Phẩm), *Những ánh đèn* (Hoàng Đình Nguyễn), *Trẩy hội Chiến Khu D* (Lê Liên), *Hạt cát yêu thương* (Tiêu Thanh Giang), *Đi giữa mùa xuân* (Xuân Bảo)... nhưng không phải là không có những vị đắng, không có những lối tăm. Đàm Chu Văn vắt ra giọt đắng đời nữ công nhân:

*Nhịp đời thắm lặng
Dây chuyền máy móc cuốn hết buồn vui
Giờ giải lao hé một tiếng cười
Bữa cơm trưa vội vã
Tháng hai kỳ lãnh lương chớp lóa
Tính sao cho đủ mọi bề
Ngày chủ nhật vèo đi
Quanh quán căn phòng trọ
Nhìn đâu cũng thấy màu áo nữ
Tài trai ở hết phương nào?
Ló ra đường, đường thản nhiên sao
Ai cũng về nhà mình vội vã
(Đồng phục màu hoa lục bình)*

Đỗ Minh Dương nhận ra *Gương mặt rác*:
*...Một chiều buồn đem rác bầy trò chơi
Xếp hình mặt người bằng những gì nhặt được
Em bỗng thấy hiện lên từ rác
Mặt nhà giàu toàn thứ đắt tiền
Mặt nhà nghèo toàn đồ rẻ mạt
Rác vô tư ẩn nổi tai phiền*

*Và em chợt nhận ra từ rác
Gương mặt mình mang nỗi buồn riêng*

(Gương mặt rác)

Phượng Hà nhận ra thủ phạm của mọi cái tâm tối từ chính tim mình:
Anh điều tra ai giữa cuộc đời này...

*...Đêm rất dài, đêm rất đổi bao la
Trong nông sâu gió nói lời chân thật
Hãy đi tìm
Thủ phạm ẩn trong trái tim mình*

(Thủ phạm)

Thực ra cảm hứng thế sự của nhà thơ mở rất rộng. Đinh Quang Dĩa suy tưởng về Hai bà Trưng, về Ái Nam Quan, Vũ Đức Liâu ngơ ngác trước chuyện tình My Châu ở Cổ Loa (*Về Cổ Loa*). Nguyễn Hiếu nhớ Tố Hữu về Đồng Nai, Xuân Bảo tạc một tượng đài về Huỳnh Văn Nghệ (*Nhớ về anh*). Cao Xuân Sơn chia sẻ với Nguyễn Bình bằng một bài lục bát sóng sánh chất Nguyễn Bình (*Đọc lại Nguyễn Bình*). Lương Định uống rượu với bạn ngày Tết (*Tết sớm*). Thạch Hà lại cảm thương hoa dã quỳ, Ngọc Khánh *Đọc thơ Cụ Đồ Chiểu*. Nguyễn Hoài Nhơn gọi mãi chuyến dò dẫm mình, chuyến đó dã lữ. Tiếng gọi dò âm vọng trong tim (*Dò ơi*). Với Bùi Ngọc Phúc, con đường đầy bụi đỏ cũng thành thơ (*Con đường bụi*), cái cầu thang chát cũng thành tình yêu (*Cái cầu thang*). Nhật Tú viết thơ tình *Trên bãi biển*. Đỗ Minh Dương khám phá ra nhiều cái hay của những điệu Lý (*Ở miền quê Lý*). Tiêu Thanh Giang ướp hương bưởi trong bài thơ tình yêu (*Hương bưởi*). Phượng Hà “*cứ đau đầu khi trời se se gió*” về một mùa thu Hà Nội. Đặng Minh Hân mừng con vào Đảng và khuyên con “*hãy vững vàng trận tuyến giữ đất này mãi mãi bình yên*” (*Con tôi vào Đảng*). Phan Quang Hợp uống rượu với “*Câu vọng cổ mềm lòng rưng rưng nước mắt*” (*Đêm tài tử*). Vũ Xuân Hương thả hồn lãng mạn với người con gái Chơ ro mang gùi “*Suối chiều một mảnh trăng rơi bóng ai gùi nước cho tôi hát thầm*” (*Lời ru tặng những cái gùi*). Kiều Văn Phẩm ngắm Trăng tròn trong côi Phật. Trần Ngọc Tuấn Vẽ núi mà “*lạnh mười ngón tay*”, rồi tự hỏi “*hay tôi đã hóa ai rồi?*”...

Đỗ Minh Dương *Về thăm quê Bác* và *Kể chuyện Bác Hồ* có đôi nét mới hơn trong những bài thơ viết về Bác:

*Hoàng Trù quê ngoại bao năm
Nhà tranh vách nứa như đang đợi Người
Nơi đây đón Bác chào đời
Giường tre, vông cói vọng lời mẹ ru...*

*...kể sao cho xiết ơn Người
Lòng ta nhớ Bác bụi người khôn khuấy!*

(Với miền đất đỏ)

Có lẽ Về thăm nhà Bác của Lê Thanh Xuân là có chất thơ hơn cả:

*Ngôi nhà đổ bóng nhân gian
Mái gianh vắng khói, cum vàng chớm hoa
Thân cau vươn thẳng tóc xòu
Tiếng chim vờn gọi, tiếng cò đồng xa...
...Con về quê Bác chiều nay
Nhặt nhòa nắng Nghệ, mắt cay nỗi niềm*

Có một điều hơi bất thường là, tôi chưa tìm thấy bài thơ tình yêu nào hay cả. Không phải nhà thơ Đồng Nai không làm thơ tình yêu. Đỗ Minh Dương có *Đổi thời tình*. Thạch Hà có *Biển*, Ngọc Khánh có *Hẹn*, Trần Thị Hương Lan hoài niệm một tình yêu "anh đi quên trở lại" (*Giao mùa*). Nguyễn Đức Phước có *Nửa yêu* "vời vời những lời gió trắng". Thân Nghệ Thuật *Trở lại làng xưa* để nhớ một kỷ niệm "hoàng hôn xưa đó chúng mình yêu nhau"... nhưng những bài thơ tình yêu ấy không vượt qua được thơ tình trước đó, và đọng lại ít nhiều ngậm ngùi. Nổi ngậm ngùi trong thơ tình của Đàm Chu Văn thì rất thật:

*Chị tìm về tuổi hai mươi
Hình như tuổi ấy lưng trời dẫu đây
Hình như mái tóc rất dày
Có người linh trẻ mang đầy gối mơ
Hình như tư đại đến giờ
Phập phồng những nỗi đợi chờ dẫu dẫu
Hình như thi thoảng hương cau
Thình không một chút lòng trâu dững dưng
Hình như gió những cánh rừng
Hơi bom còn quạt hất tung gối màn
Hình như dẫu bể đa đoan
Tiếng chuông ngân dạt tiếng đàn lỗi dây
(Tìm)*

Vâng, có lẽ nhà thơ Đồng Nai đa số đã quá tuổi yêu, dù Trần Ngọc Tuấn có *Tặng ca cho tình dẫu*, dù Đa tình như Nguyễn Đức Phước thì tình chỉ "còn lại mở bông bong/ đem về rao bán giữa dòng sông đêm". Mảng thơ tình này còn bỏ ngỏ chờ các nhà thơ trẻ. Nhà thơ Đồng Nai giờ chỉ thù tạc với bạn: "Thôi bây giờ mà cũng đã bình yên. Con chim lạ tắt bên trời tiếng hát. Rượu chiều nay chỉ một

minh tao rót. Uống một mình say đến chết thì thôi” (Độc ẩm. Gửi hương hồn Nguyễn Đức Thọ - Ngọc Thùy Giang), vui với hoa. Ẩn trong sắc màu và hương ngát ấy, thấp thoáng bóng dáng đóa hoa hạnh phúc:

Đóa hoa hạnh phúc dâng hương

Trái tim vô ngữ sáng đường chân như

(Đường sáng- Trần Ngọc Tuấn)

Trong ba mươi năm qua thơ Đồng Nai đã có những vận động nghệ thuật thế nào?

Trong cả nước đã có khá nhiều nỗ lực cách tân thơ, không ít nhà thơ đã thử nghiệm nhiều hướng mới, thơ Siêu thực, Hiện thực tuyến ảo, thơ Tân hình thức, và cả thơ Hậu hiện đại. Theo tôi thì tất cả còn dang dở là thể nghiệm. Những thành tựu nếu có, còn khiêm tốn, chưa đủ tạo ra một thời đại mới của thơ ca Việt nam. Cũng có những bứt phá ngoạn mục ở những nhà thơ trẻ. Nhưng những thể nghiệm ấy chưa tràn tới thơ Đồng Nai.

Nhà thơ Đồng Nai hầu như vẫn sáng tác theo quán tính của thi pháp cũ. Tiếng nói nhà thơ là tiếng nói công dân, nói về cái chung. Cảm hứng chính là cảm hứng lãng mạn, chỉ nói cái đẹp, cái ước mơ.

Tôi không có ý nói làm thơ theo thi pháp cũ thì không hay. *Nằm vông giữa chiến khu* (Đỗ Minh Dương), *Viếng dòng hương* (Thạch Hà), *Mẹ* (Vũ Đức Hậu), *Lời ru tặng những cái gùi* (Vũ Xuân Hương), *Tim câu hát ấy trong lời mẹ ru* (Hoàng Đình Nguyễn), *Dò ơi* (Nguyễn Hoài Nhơn), *Đọc lại Nguyễn Bình* (Cao Xuân Sơn), *Gửi Đồng Nai* (Đào Trọng Thử), *Tim* (Đàm Chu Văn)... là những bài thơ hay mặc dù được viết bằng thi pháp cũ. Thơ hay là do tư chất nghệ sĩ tài hoa của nhà thơ. Ở kiểu thi pháp này, Đồng Nai đã có những nhà thơ sáng giá như Đàm Chu Văn, Vũ Xuân Hương, Đỗ Minh Dương, Vũ Đức Hậu, Đào Trọng Thử, Hải Ba, Nguyễn Hoài Nhơn... Không có tư chất nghệ sĩ, nhà thơ chỉ có thể làm được những bài văn xuôi bất thành văn, không hồn không vía.

Tuy nhiên Thơ Việt Nam không thể không cách tân. Nhà thơ nào của Đồng Nai có những nỗ lực cách tân?

Trước hết là Trần Ngọc Tuấn, một nhà thơ tài hoa. Từ thơ truyền thống, anh chuyển hẳn sang thơ Thiền. Anh có nhiều tập thơ. Tập *Suối reo* là một thành công bước đầu. Tôi đã có bài viết riêng về tập thơ này (xem: Một mình ra khơi - Văn nghệ Trẻ, 28/01/2007). Trần Ngọc Tuấn phối hợp lục bát với tứ tuyệt, thể hiện những chiêm nghiệm Thiền bằng những hình tượng mới mẻ. Anh dẫn thân vào con đường thơ tứ tượng khá cam go. Anh đang chờ qua sông (*Đào bí ngạn - chữ của nhà Phật*)

Lục bình nở tím dòng thơ

Dò ngang một chuyến ùi chừ qua sông

(*Qua sông* - trong tập *Suối reo*, Nxb HNV 2006)

Trần Ngọc Tuấn không cách tân, anh đang tiếp bước dòng thơ Thiển đã có trong thơ ca truyền thống. Tuy vậy, so với thơ Thiển truyền thống, thơ anh cũng rất mới. Ngoài ra anh viết tùy bút về các nhà thơ rất tài hoa. Anh hiểu và đồng cảm sâu sắc với họ, anh nói được những tinh túy của hồn thơ mà ít nhà phê bình có thể viết được.

Nguyễn Đức Phước cũng có những nét mới, khác hẳn với thơ truyền thống ở một số bài trong tập *Đêm khát*. Tôi cũng có bài viết riêng về tập thơ này (xem *Trái tim biết khóc*, Văn nghệ Trẻ 10/8/08)

Thử đọc: HỢP XƯỚNG ĐÊM

Thơ tình

Rơi xuống đất

Nỗi đau quặng vào sọt rác

Thiếu nữ trong bài thơ

Cùng gã đàn ông

Khúc khích

Khúc khích

Chuột reo trong sọt rác

Đêm...

(*Đêm khát*, Nxb HNV 2008, tr.8)

Với những bài thơ như *Hợp xướng đêm* thì cách đọc truyền thống sẽ bất lực. Ngôn ngữ và tư duy thơ thách thức những cách hiểu dễ dãi. Nó níu lấy người đọc và buộc người đọc phải giải mã cho được những ngữ nghĩa rất lạ. Điều này rất khác với thơ làm theo tư duy cũ.

Lê Thanh Xuân, tuy rất âm thầm, nhưng thơ anh có những bước cách tân mạnh mẽ. Ngôn ngữ thơ anh mới lạ đến không ngờ, nhất là mới lạ trong kiểu tư duy thơ khác hẳn thơ truyền thống. Nếu chỉ đọc lướt qua, người đọc có thể không nhận ra sự cách tân của thơ anh. Và tôi thực sự ngỡ ngàng khi đọc nhiều lần chùm thơ anh đăng trên Tạp chí Thơ số 01/2009. Thơ anh có bề sâu của sóng ngầm mạnh mẽ với những quặn thắt dữ dội khôn nguôi. Thơ anh lại có bề rộng thênh thang của sa mạc hoang vu quạnh quẽ không có dấu tích con người. Thơ anh đưa ta về miền tâm tưởng ngỡ như siêu thực mà rất thực. Thơ anh chất chứa bao điều không nói thành lời, vì ngôn ngữ không chuyên chở được vô lượng nỗi đau trong thẳm sâu thân phận con người. Thơ anh thiên về tư tưởng, nhưng không chìm khuất trong màu xám hư vô, mà vẫn nồng nàn với cây đời

rất xanh. Thơ anh có nỗi buồn trong cái vui, có vị mặn đắng trong cái ngọt. Đọc thơ anh, trái tim người đọc không thể không bị thôi thúc bởi câu chữ, và bởi cả những gì không thành lời.

Ô cửa sổ

*Ô cửa sổ màu sơn đã nhạt
Chút nắng chiều lặng lẽ ru đi
Một gương mặt buồn như bình hoa đã vãn
Một không gian chờ đợi điều gì?
Đã như thế nhiều ngày, nhiều tháng
Dòng sông qua và gió đi qua...
Ô cửa sổ màu sơn đã nhạt
Một bình hoa, không có bóng hoa
Tôi chờ đợi. Có thể em chờ đợi
Hai trái tim không cất nên lời
Vườn lá rụng cành đã ra lớp mới
Bãi ngoài sông thêm mấy sa bồi...
Ô cửa sổ màu sơn đã nhạt
Tôi trở về tìm lại chính tôi
Nỗi buồn cũ, nhưng bình hoa đã khác
Có rất nhiều màu sắc hoa tươi
Hoa đang nói về một người mới mẻ
Còn một người quen cũ là em
Ô cửa sổ màu sơn đã nhạt
Đứng nhìn tôi như một kẻ không quen.*

Bạn cứ đọc thật chậm, lắng tâm hồn vào cõi xa xăm. Không cần tra hỏi ngữ nghĩa làm gì, nhưng cứ để cho hình ảnh thơ lan tỏa, cho những âm thanh rất trầm nở bung ra và cho những điệp khúc cứ trăn trở dày vò, đến khi trái tim bạn bị nung đỏ lên. Lúc ấy tâm hồn bạn sẽ vỡ oà ánh sáng nỗi niềm không tên không tuổi vọng mãi vào hư không.

Nghĩ về thơ Đồng Nai, tôi lại băn khoăn. Nhà thơ trẻ Đồng Nai ít quá, và họ nghĩ rất khác. Khương Hà sinh trưởng ở Đồng Nai, từng có bài đăng trên Văn Nghệ Đồng Nai. Xin đọc:

Lựa chọn

*Nếu phải chọn giữa hai con đường
Em sẽ đi ngược lại
Bởi hai con đường có thể dẫn đến đau thương*

*Nếu phải chọn giữa hai hình hài
Em mong mình là đá
Bởi đá vô tri trước bia miệng người đời*

*Nếu phải chọn giữa khóc và cười
Em xin được lặng im
Bởi khóc cười có nghĩa gì đâu*

*Nhưng nếu cho em lựa chọn giữa khổ đau và hạnh phúc
Em xin chọn cả hai
Bởi tình yêu chứa những điều này*

(Khương Hà - VNĐN số 8/02)

Trong thực tế, Khương Hà đã lựa chọn con đường thơ của mình khi trở thành một "Ngựa trời", làm ngựa hoang nghệ thuật. Đó là con đường "đi ngược lại", tránh né đau thương. Nhà thơ im lặng và vô tri trước thực tại có nghĩa gì đâu... Thế hệ nhà thơ đi trước xin bình tâm và chờ đợi. Biết đâu...

Đồng Nai là một vùng đất hiền hòa, thơ Đồng Nai cũng đầm thắm như đất và người Đồng Nai. Đồng Nai cũng đã góp những khuôn mặt thơ rạng rỡ vào thơ ca chung cả nước. Chúng ta có quyền tự hào và hy vọng.

Đồng Nai 9/2009

(*) Những tác giả, tác phẩm nói đến trong bài viết này dựa vào các tuyển tập:

Tuyển tập thơ Đồng Nai 30 năm. Nxb Tổng hợp Đồng Nai 2005;

Theo sông Đồng Nai. Nxb Đồng Nai 2000.

Trám tích Chiến khu D. Nxb HNV 2006. Tạp chí Văn Nghệ Đồng Nai...

Một số tập thơ của các nhà thơ

(2) *Gửi Huế thân yêu*. Tập thơ *Những khoảng trời trong sáng* - Nxb Trẻ 1995. Tr.67: "Lâu rồi xa quê mẹ/ Miền trung nắng cát vàng/ Tiếng ru hời xứ Huế/ Một thời mãi âm vang.../ Chiến nay gửi về mẹ/ Tấm lòng con nhớ thương/ Chim nào xa xứ cũ/ Vẫn mang tình cố hương"

(3) Đỗ Minh Dương. tập thơ "Vết miền đất đỏ". Nxb HNV 2007. Tr.11

MỘT “BỆ PHÓNG” QUAN TRỌNG CHO HỘI VIÊN TRONG 30 NĂM QUA! (*)

KHÔI VŨ

Ngay từ khi thành lập năm 1979, Hội Văn học Nghệ thuật Đồng Nai đã có Tạp chí Văn Nghệ Đồng Nai là diễn đàn đăng tải các sáng tác văn học, nghệ thuật; các bài nghiên cứu phê bình, sưu tầm...; thông tin văn nghệ. Thời kỳ này, Văn Nghệ Đồng Nai ra hàng tháng, khổ 20x28cm, dày khoảng 72 trang. Năm 1982, khi nhà văn Hoàng Văn Bốn chuyển về làm Hội phó của Hội, thì Văn Nghệ Đồng Nai do ông làm Tổng biên tập chuyển qua hình thức báo, vẫn phát hành mỗi tháng một kỳ nhưng với khổ báo 30x40cm, 16 trang, in 2 màu.

Trong thời gian khoảng 10 năm, từ sau 1991 đến 2000, việc chuyển đổi nhân sự văn phòng Hội từ gần 20 người còn chỉ 1 người, rồi được 3 người, đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến việc ra báo. Trong thời gian này, nhà văn Hoàng Văn Bốn chuyển qua làm giám đốc Nhà xuất bản Đồng Nai, vừa kiêm nhiệm Tổng biên tập báo (có một thời gian đổi tên thành Sông Phố, 32-64 trang khổ 20x28cm). Vì thế việc xuất bản không còn ổn định đúng định kỳ là thực tế không thể tránh khỏi.

Từ năm 2001 đến nay, diễn đàn của Hội lấy lại tên Văn Nghệ Đồng Nai và trở lại dạng tạp chí, 96 trang khổ 16x24cm, phát hành 2 tháng 1 kỳ. Nhiệm kỳ III (2001-2007), Văn Nghệ Đồng Nai do họa sĩ Nguyễn Nam Ngữ, Chủ tịch Hội kiêm Tổng biên tập và nhà văn Khôi Vũ là Phó tổng biên tập chuyên trách. Sau Đại hội IV, tạp chí Văn Nghệ Đồng Nai do nhà thơ Đàm Chu Văn làm Tổng biên tập.

(Sau đây xin gọi chung là báo VNĐN).

Cũng như các Hội địa phương khác, báo VNĐN là diễn đàn chính thức giới thiệu các sáng tác (truyện, thơ, ca khúc, ảnh, tranh...) của hội viên VNĐN, cùng các bài nghiên cứu, phê bình, giới thiệu sách, thông tin văn nghệ... Bên cạnh đó, từ lực lượng cộng tác viên có sáng tác gửi về báo và được chọn in, báo

VNĐN còn có nhiệm vụ giới thiệu những tác giả xuất sắc để Hội kết nạp hội viên mới.

Chúng tôi tạm chia làm hai thời kỳ của báo VNĐN: thời kỳ đầu từ năm 1979 đến 2000 (Chủ yếu là từ 1979 đến 1991) và thời kỳ sau từ năm 2001 đến nay.

* Trong thời kỳ đầu, khi hầu hết hội viên Hội VHNT Đồng Nai và cộng tác viên của báo VNĐN còn là những tác giả hoạt động chủ yếu ở địa phương, tác phẩm của anh chị em hầu như được báo VNĐN giới thiệu lần đầu tiên. Tất nhiên bên cạnh những tác phẩm của hội viên và cộng tác viên "nhà", báo VNĐN cũng giới thiệu sáng tác và bài viết của các nhà văn, nhà thơ... hội viên Hội Nhà văn VN và các địa phương bạn để tạo sự giao lưu, học hỏi lẫn nhau. Khoảng trước năm 1990, hội viên VNĐN đã có một số người có tác phẩm được in trên các báo chuyên ngành văn học trung ương hay khu vực như: tuần báo Văn Nghệ, báo Tuổi Trẻ chủ nhật, báo Thanh Niên... Nhưng, hầu như những tác phẩm này đều đã từng được xuất hiện trên báo VNĐN trước đó và được sửa chữa, nâng cao. Có thể nói, báo VNĐN thời kỳ này là "bệ phóng" đầu tiên tác phẩm của không ít tác giả Đồng Nai sẽ có vị trí trong làng văn nghệ cả nước thời kỳ sau này. Nhà văn Hoàng Văn Bốn, một thời gian có sự cộng tác của nhà thơ Xuân Sách và nhà văn Anh Hoàng, đã góp công lớn trong việc phát hiện, bồi dưỡng và giới thiệu nhiều tác giả Đồng Nai.

Về nội dung, các tác phẩm trong thời kỳ đầu mang đậm dấu ấn địa phương. Đất nước, con người, sự kiện ở Đồng Nai hiển hiện khá rõ nét trên các trang văn, bài thơ, ảnh, tranh nghệ thuật... được in trên báo. Có thể lý giải việc này như sau: đa số hội viên VNĐN dù là người tại chỗ hay từ các địa phương khác đến, đều hăm hở tìm hiểu và nuôi dưỡng tình yêu đất nước, con người Đồng Nai, muốn thể hiện và khẳng định sự gắn bó sáng tác của mình với nơi mình đang sinh sống, làm việc. Mặt khác, những sự kiện lịch sử Đồng Nai sau ngày giải phóng, những gì đang diễn ra trong một đất nước vừa thay đổi toàn diện, còn ngồn ngộn tư liệu sẵn sàng cho văn nghệ sĩ thâm nhập, khai thác. Về văn xuôi ngày ấy, ngoài Lý Văn Sâm, Hoàng Văn Bốn, Anh Hoàng, là một loạt tác giả gây được sự chú ý của giới văn nghệ như: Đỗ Tiến Khải, Nguyễn Duy Thịnh, Lê Đăng Kháng, Khôi Vũ, Nguyễn Đức Thọ, Phạm Thị Nguyệt Cẩm, Bùi Quang Tú, Nguyễn Văn Linh, Tú Quyên, Phạm Hồ Thu, Phạm Thanh Quang, Nguyễn Thị Tư... Về thơ, có Thanh Dạ, Hiền An Giang, Vũ Xuân Hương, Hoàng Trung Thủy, Phạm Minh Hà, Trần Trung Phụng, Đỗ Minh Dương, Hoàng Đình Nguyễn, Phương Hà, Xuân Bảo, Tiều Thanh Giang, Lê Thanh Xuân, Đàm Chu Văn, Cao Xuân Sơn, Lương Định, Hải Ba, Đào Trọng Thử, Lê Tuấn Đạt, Đào Thanh Chương,... Ngày ấy, mảng văn học dịch được chú ý giới thiệu trên báo VNĐN với các tác giả: Nguyễn Thanh Văn, Vũ Xuân Hương,

Lê Tuấn Đạt, Phạm Đức Hạnh....

Tính đến năm 2000, từ "bệ phóng" báo VNĐN - cùng sự nỗ lực vươn lên của cá nhân - nhiều tác giả thời kỳ đầu này đã trưởng thành, trở thành hội viên Hội Nhà văn VN như: Khôi Vũ, Hoàng Trung Thủy (*dã mát*), Nguyễn Đức Thọ (*dã mát*), Đàm Chu Văn, Cao Xuân Sơn...

Bước sang thời kỳ từ 2001 đến nay, sáng tác trên báo VNĐN có những nét khác biệt không khó nhận ra so với thời kỳ trước. Đó là:

- Chất địa phương trong các sáng tác bị ít đi. Phải chăng đây là điều không tránh khỏi khi lực lượng hội viên đã có nhiều thay đổi: nhiều người trước khi chuyển về sinh hoạt tại Đồng Nai đã là cây bút "gạo cội" của địa phương mà các anh chị sinh hoạt trước đó, nhưng vốn sống (và cả tình yêu) về Đồng Nai còn ít nhiều bị hạn chế. Ngoài ra việc thâm nhập thực tế để viết ký (nhất là với các tác giả trẻ) ngày càng khó khăn và tốn kém trong khi chế độ về quyền lợi thì không theo kịp thực tế.

- Chưa bàn đến chất lượng, thì riêng số lượng sáng tác văn học của hội viên và cộng tác viên ở Đồng Nai gửi về tòa soạn báo hoặc được giới thiệu trên báo đã không còn dồi dào như trước. Việc "ăn đong" trong truyện ngắn cho mỗi số báo là một thực tế. Đây cũng là một hệ quả tất yếu của việc dịch chuyển về hội viên. Số hội viên của thời kỳ đầu đã vào tuổi trên dưới 60, trong đó một số không ít lại đã chuyển qua địa phương khác hoặc ngưng sáng tác; số mới chuyển về (khá đông) thì hầu hết thuộc dạng cao niên; trong khi đó những cây bút trẻ xuất hiện không nhiều. Cùng lúc ấy thì tác phẩm của các tác giả bạn bè trong nước gửi về tòa soạn báo lại thường nhiều hơn, họ có khả năng "cạnh tranh" về chất lượng nhưng đành chấp nhận định hướng ưu tiên tác giả địa phương mà báo văn nghệ địa phương nào cũng phải lưu ý!

- Tác phẩm của các tác giả Đồng Nai tương đối có tên tuổi ít xuất hiện trên báo VNĐN, thay vào đó, sáng tác của họ được giới thiệu trên các báo chí trung ương và khu vực. Dù có loại trừ yếu tố tác giả không gửi tác phẩm "loại 1" của họ cho báo VNĐN, thì riêng việc các tác giả này tự "chia sẻ" trên nhiều báo chí trong nước và địa phương, cũng làm ảnh hưởng đến chất lượng mảng sáng tác trên báo VNĐN. Nhưng làm sao có thể trách anh chị em được khi thời cạnh tranh và khẳng định "đẳng cấp" hiện nay thì đâu có loại trừ lĩnh vực văn nghệ!

- Xuất hiện nhiều hơn các bài nghiên cứu, lý luận, phê bình... trong đó có một số bài gây được sự tranh cãi học thuật. Chuyên mục dành cho các bài viết về văn nghệ dân gian Đồng Nai là thành quả có được từ sự hình thành và phát triển của Ban Văn Nghệ dân gian, là một sự "thay thế", "bổ sung" cho chất địa phương ít có trong các sáng tác trên báo.

Thực ra, không chỉ riêng báo VNĐN phải hoạt động trong nhiều điều kiện không thuận lợi như vậy, mà đây cũng là tình trạng chung của các báo văn

nghệ địa phương. Tuy thế, báo VNĐN vẫn đảm nhiệm được vai trò “bộ phóng” của mình. Thời kỳ từ 2001 đến nay, có thể nói là “thời” của một số hội viên có tuổi đời trên dưới 40: Thu Trân, Nguyễn Một, Trần Thu Hằng (văn xuôi), Trần Ngọc Tuấn (Thơ)... Trong số này, 3 người đã trở thành hội viên Hội Nhà văn VN. Và bên cạnh họ, những hội viên thuộc lứa trước cũng đều đặn có mặt như: Lê Đăng Kháng, Phạm Thanh Quang (là hội viên Hội Nhà văn VN thời gian sau năm 2000), Bùi Công Thuấn, Phan Nam Sinh, Ngọc Thùy Giang...; thêm những hội viên có tay nghề mới chuyển đến hoặc chuyển về ĐN: Trần Thúc Hà, Huyền Tùng, Tấn Hoài, Vũ Đức Hậu...; nhiều cây bút mới xuất hiện (kể cả hội viên và chưa hội viên VNĐN) và đang dần được khẳng định: Dương Đức Khánh, Lê Liên, Ngọc Khánh, Hà Thu Thủy, Kiều Văn Phẩm, Phan Quang Hợp, Phan Danh Hiếu, Nguyễn Tế Nhị... Thời gian gần đây, không thể không kể thêm những tác giả tuổi học trò trưởng thành từ Tập san Dưới Mái Trường (Ấn phẩm lưu hành từ 1998-2008, là hoạt động phối hợp giữa Hội VHNT Đồng Nai với Sở Giáo dục - Đào tạo ĐN) như: Đào Nguyên Thảo, Tạ Thanh Lan, Nguyễn Hải Kim Ngân, Đinh Nga, Lê Mạc Vy, Lê Thùy Dung, Trần Thảo Hoài Mi... mà trong đó một số đã trở thành hội viên Hội VHNT Đồng Nai.

Mọi người đều có quyền mong muốn và đòi hỏi diễn đàn của Hội VHNT Đồng Nai ngày một chất lượng hơn, giới thiệu được nhiều hơn tác giả của địa phương vươn ra tầm cả nước. *(Nói thế không có nghĩa là phân biệt “văn nghệ địa phương” và “văn nghệ trong nước”, mà chỉ để xác định những bước đi cần thiết của một tác giả từ bước đầu tham gia sáng tạo văn học, đó là điều bình thường và tất yếu để mỗi người tự trưởng thành).*

Tạp chí VNĐN hiện nay - và báo VNĐN, báo Sông Phố trước kia - được xem là bộ mặt của Hội VHNT Đồng Nai, mặc nhiên được giao phó cho nhiệm vụ khó khăn mà tự hào ấy. Nhưng nếu bình tâm mà nghĩ kỹ, thì các tờ báo văn nghệ địa phương - các diễn đàn chính thức của hội VHNT - vẫn chỉ là phần nổi của một phong trào sáng tác (phần chìm và là chính yếu) mà cùng chịu trách nhiệm với những người làm báo chính là Ban chấp hành của các Hội VHNT.

Nếu Đồng Nai có những cây bút (trong và ngoài Hội) tâm huyết, sung sức, chịu khó học hỏi và nỗ lực viết ngày một hay hơn; nếu Hội VHNT Đồng Nai tổ chức được những hoạt động có ích và tạo điều kiện tốt cho hội viên của mình (và cộng tác viên) thâm nhập thực tế và sáng tác; nếu các Ban chuyên môn có cách đi tìm và phát hiện rồi giới thiệu, bồi dưỡng những cây bút có triển vọng còn ẩn mình; thì chắc chắn không còn lý do gì khiến tờ tạp chí Văn Nghệ Đồng Nai không khởi sắc!

(*) Báo VNĐN là diễn đàn gồm cả văn học và nghệ thuật của Hội VHNT Đồng Nai. Tuy nhiên, trong phạm vi bài viết này dành cho Tuyển tập Văn Chương 30 năm VNĐN, chúng tôi chỉ tổng thuật về tình hình giới thiệu văn học trên báo.

Chiếc “mùng lé” của con trai tôi

Truyện của LÝ VĂN SÂM

Câu chuyện bắt đầu từ một chiếc mùng cũ, chiếc “mùng lé” của thằng con trai tôi. Ai đời năm mới mà dẫn chuyện từ mô' chiếc mùng cũ thì nghe ra nó kỳ kỳ, chướng chướng làm sao ấy! Ngặt cái là đã trót hứa kể chuyện này với cô rồi, thất hứa mãi, coi sao được. Bây giờ thì xin kể cho cô nghe nhé. Xin báo trước là tôi kể chuyện không mấy gì hấp dẫn, nghe cô em.

Nói là chiếc “mùng lé” của con trai tôi cho nó oai, chớ thiệt ra thì chiếc “mùng lé” này là của anh Năm Nhỏ. Rắc rối quá. Cứ nhìn hai con mắt dờ ra của cô, thì tôi cũng đoán được là cô đang mò mẫm tìm hiểu vì sao lại là “mùng lé”; có nghĩa là cô đang thắc mắc vì cái từ “mùng lé” chớ gì? “Mùng lé” là loại mùng đã chiến không có nóc cô à. Lúc sống trong căn cứ kháng chiến, chúng tôi thường hay ngủ võng. Võng đi đôi với “mùng lé” thì gọn hơ. Mặc võng vào cột nhà hoặc thân cây rừng rồi thì chỉ còn cái việc cột hai đầu cây mùng nữa là xong. Và lại chúng tôi cứ phải hành quân luôn, “mùng lé” cũng góp phần làm cho ba lô chúng tôi đỡ nặng, vì rằng còn phải mang nhiều thứ khác nữa chớ. Như súng, đạn, gạo, muối, thức ăn, thức uống chẳng hạn.

Còn nhớ năm ấy là năm 1958, năm lực lượng võ trang Miền chuyển mình để lớn lên cho kịp với yêu cầu cách mạng. Chính là dạo này tôi được dịp làm quen với anh Năm Nhỏ. Anh là cán bộ đại đội, đại đội phó xê ba (C3). Còn tôi là cán bộ chính trị Bộ Chỉ huy các lực lượng võ trang Miền. Tôi được phân công chủ biên báo “Chiến Thắng”, tờ báo văn nghệ của quân đội. Anh em trong quân đội thường gọi tôi là “Anh Hai văn sĩ”. Anh Năm Nhỏ thì anh em trong đơn vị không gọi là anh Năm mà phết cho ảnh cái tên “chị Năm Trầu”. Thế mới ngộ chứ. Số là anh có cái dáng dấp mảnh khảnh của một cô gái dài các cò son. Lại thêm cái tật hay nhai một miếng trầu trước giờ ra trận khiến đôi môi anh bóng lưỡng như có thoa son và đôi má anh hườm lên như nhuộm nắng. Anh mê ăn trầu vì anh là con rể của mười tám thôn Vườn Trầu ở Hóc Môn, Bà Điểm. Sau Hiệp định Giơ-ne-ve anh được phân công hoạt động trong phong trào địa phương. Anh Năm Nhỏ dờn tranh giỏi lắm, tài liệu chi thị của trên chuyển đến đâu đều được anh cất giấu kỹ trong lòng cây dờn tranh. Ông già anh mất, môn

gia tài quý giá nhất để lại cho anh là cây đờn tranh. Nhờ cây đờn của ông già để lại, anh giả làm một nghệ nhân di dây, di đó dạy đờn và anh đã sống và hoạt động hợp pháp được một thời gian. Nhưng rồi anh cũng hết học và bị bắt. Thằng đồn trưởng dân vệ muốn tỏ vẻ ta đây cũng là tay hào hoa phong nhã bèn cho nha traỏ mời anh lên nhà chiêu dụ. Nó ngỡ ý sẽ trả cây đờn tranh cho anh và trả cả tự do cho anh nếu anh "*biết suy nghĩ lại*". Anh giận lắm mà cố nén. Nhà thằng đồn trưởng ở sát lộ đá đỏ, cửa lớn ngó ra một con suối hãm lòng. Thấy hoàn cảnh ngon ăn và thời cơ đã chờ đón, anh giả vờ vịn trực lên dây rao lên một lớp oán. Thằng đồn trưởng chép miệng chưa kịp "*khoe tài vọng cổ*" thì đã bị anh quơ đờn tranh quét ngang mặt một cú như trời giáng. Thế là anh nhảy tót qua đám mắc cỡ chơm chớm gai và phóng luôn xuống suối. Thằng giặc giận hóa khùng. Nó cho lính dân vệ trói cây đờn vào gốc mít rồi ra lệnh "*Bắn!*". cây đờn tranh bị nó "*xử tử*" không dọa nổi bà con trong đồn mà chỉ làm trò cười cho mấy em nhỏ.

Ấy chết, xin lỗi cô em. Thiếu chút nữa thì tôi sa đà vào cây đờn tranh yêu quý của anh Năm rồi. Xin trở lại câu chuyện chiếc "*mùng lé*" của chúng ta vậy.

Kìa, cô em nhìn kỹ mà xem. Thằng nhóc của tôi đang ngon giấc trong chiếc mùng "*Đông-ky-sốt*" cổ lỗ sĩ như vậy đó. Mùng không có nóc, lại chằm khịu hơn trăm miếng, vuông có, tròn có. Hai đầu giường phải sấn hai cái cây đặc biệt để cột dây mùng vào. Nhìn thấy cái mùng ai cũng quở. Nói là vợ chồng tôi lập dị và hà tiện. Nhưng có ai hiểu thấu cho "*nỗi niềm tâm sự*" của vợ chồng tôi đâu! Thay cái mùng khác, đầu cho đẹp và mới cách mấy, thằng nhỏ cũng không chịu ngủ, cô à. Kỳ cục lắm. Nó chỉ đòi được ngủ trong chiếc "*mùng lé*" của nó thôi. Cái thằng coi vậy mà thù chung áo đố. Thôi thì phải nuông cái độc lập tính của nó một tí. Vả chăng mẹ nó hình như cũng hài lòng về cái tính nết kỳ cục của thằng con trai mình. Coi vậy mà nhờ chiếc "*mùng lé*" này lắm. Suốt mấy mùa B52, con tôi toàn ngủ hãm. Nằm hãm với cái loại mùng lé này tiện biết bao nhiêu. Có một trận tướng đầu thằng con tôi bị chôn sống, đất dùn lên ngập miệng hãm. Vợ tôi khóc một cơn khóc tôi chưa từng được chứng kiến bao giờ. May nhờ có chuẩn bị trước nên thằng con trai tôi được cứu thoát khỏi chết ngộp. Anh chị em cơ quan họ nhanh tay, lẹ chân lắm. Khi đào xới tới chỗ thằng con tôi bị kẹt thì tôi nghe cô Liễu trạc tuổi cô em reo lên:

- Ý, cái mùng! Thấy cái mùng rồi!

Nghĩa là thằng con tôi có cơ còn sống. Và nó còn sống thật. Nó vẫn ngủ mê man trong chiếc "*mùng lé*" của bác Năm nó. Hình như mệt quá, nó thiếp đi. Mặt nó tái ngắt. Đôi mắt có lông mi dài, nhắm khít nom như mắt Phật. Rờ lỗ mũi nó thấy còn hơi thở. Hú vía! Mẹ nó cười ra nước mắt, hôn khắp mình mẩy nó chùn chụt:

- Ôn ai, vong hồn anh Năm linh thiêng đã phù hộ cho cháu trai của ảnh.

Thiệt ra, nếu không có kiểu hầm như hầm chữ A và nếu cái lỗ thông hơi mà bịt bít thì anh Năm có sống lại cũng không sao cứu nổi thằng cháu trai của anh.

Nghĩ thương anh Năm quá, cái thuở tụi này hoạt động ở hai căn cứ địa Tây Bắc và Đông Bắc Nam Bộ, anh Năm Nhỏ và tôi quần quít bên nhau như cặp bài trùng. Nhiều đêm trăng sáng, chúng tôi treo võng ngủ bên nhau như đôi vợ chồng. Trong rừng muỗi dữ lắm. Và cái giống bù mắt thì dày đặc đến khiếp. Anh Năm nhường cho tôi chiếc "mùng lé" độc nhất của anh. Còn anh thì đắp tấm may kèm với võng. Tôi từ chối thế nào anh cũng chẳng chịu. Tôi thừa biết là anh quý chiếc mùng cứng của anh dữ lắm. Vợ anh, chị Năm, chắt mót món tiền bán trâu mua cho anh chiếc mùng tuyn này là cốt để cho chồng mình ngủ được yên giấc, khỏi lo bị muỗi quấy rầy; là để cho chồng lúc nào cũng cảm thấy như có vợ gần kề. Đặng cho chồng mình khỏe mạnh mà đánh giặc hăng. Tinh sâu nghĩa nặng gói ghém hết trong chiếc mùng đó. Thế mà anh Năm chẳng hề tiếc gì đối với tôi, kể cả chiếc mùng tri kỷ của vợ nhà gửi cho.

Em mới vượt ngục ra, chẳng liên lạc được gia đình. Em lại cà nhom hơn qua. Chẳng kiếm được cái mùng khác, qua sẽ tính. Đánh vài trận nữa, thiếu gì chiến lợi phẩm thì thế nào anh em mình cũng được văn phòng chiếu cố, cấp phát cho một cái. Đọc tiếp chuyện *Tiết Nhom Quý chinh đông* em nghe, nhé! Đây... a... nói về...

Anh Năm thuộc lâu các truyện Tam quốc diễn nghĩa. Anh nhiệm tư tưởng thủy chung, nhân nghĩa của các nhân vật *Thuyết Đường, Phi Long, Thủy Hử...* Hồi nhỏ, anh thường chong đèn đọc truyện cho bà ngoại nghe.

Tháng một năm 1960, để chào mừng ngày Đồng Khởi thắng lợi, bộ đội rời căn cứ Đông Bắc tiến đánh ba căn cứ xung yếu của giặc. Điềm then chốt là "Tua Hai". Ở "Tua Hai" súng nhiều lắm. Phải lấy súng mà võ trang kịch liệt cho mình. Đánh nát "Tua Hai", giặc mới khiếp sợ và phong trào quần chúng mới được hỗ trợ đắc lực. Rất tiếc là ngày đơn vị xuất kích tôi phải ở lại giữ cứ. Sở dĩ vậy là vì lúc đó anh Hạ, anh Ba Trọng Nhân, chánh văn phòng Bộ Tư lệnh cùng ở lại với tôi. Mỗi ngày anh phải giã nếp nấu cháo cho tôi ba xuất. Anh an ủi tôi:

- Ráng khỏe gấp em đi rồi đi đánh Đồng Xoài cho nó ngon.

Cái hôm anh Năm Nhỏ chia tay tôi, trời tạnh ráo. Bông thao lao nở tím rừng. Lòng suối khô cạn mà lòng người thì lại dạt dào phấn khởi. Ống lồ ô đeo trên lưng đầy ắp nước suối từ bên kia đồi Cối Xay mang về mấy hôm trước đó. Chín tháng bị bao vây phải ăn toàn củ chụp thay cơm. Vậy mà giờ đây ra quân nom anh em nào cũng khỏe mập, hồng hào. Trầu này anh xin ở xã Bù Cháp. Quần áo nóc thếch mà coi bộ anh rất sang trọng, cái sang trọng của người chẳng biết sợ ải nghèo.

- Qua đi, em ở lại mạnh giỏi. Qua đi kỳ này về, qua sẽ kể huyền thuyên chuyện cho em nghe mà viết...

- Anh lấy cái mừng theo, anh Năm!

- Em cất đó mà xài. Qua hẳn gặp chị Năm, anh bắt chỉ mua cái khác...

Bộ đội hành quân qua tám trái đồi bát úp vượt sông Mã Đà, rồi sông Sài Gòn. Tiếng ve rộ vang rừng tiển đoàn quân xuống núi.

Có ai ngờ anh Năm đi chuyến đó rồi không về nữa. Anh không về với tôi nữa, mà tôi thì cứ đinh ninh là anh không bao giờ mất. Một ngày nào đó, tôi sẽ gặp lại anh, tôi sẽ cùng anh Năm về Mười tám thôn Vườn Trầu thăm lại cái nơi của phong trào cách mạng Nam Bộ những năm 40, 41.

Ngày mồng bốn tháng năm năm nay, vợ chồng tôi và đứa con trai ba tuổi theo đoàn quân chiến thắng tiến về Sài Gòn. Khi đoàn quân đi ngang qua "Tua Hai", xã Hảo Đước, tự nhiên nước mắt tôi cứ ràn rụa. Buổi sáng tháng năm thật đẹp, trời cao lồng lộng, mây trắng giăng một dải ngang trời. Trái núi Bà Đen ưỡn cao ngực đón gió sớm. Anh Năm Nhỏ đang nằm yên nghỉ dưới chân núi Bà Đen kia.

Tôi chỉ tay vào trái núi, thì thầm với vợ tôi:

- Ở chỗ chân núi đó, xưa kia là "Tua Hai"! Bác Năm thằng Trường Xuân đã hy sinh oanh liệt ở đó...

Thôi vậy, tôi xin ngưng câu chuyện ở đây. Mẹ thằng nhóc đi chợ sắp về. Cô coi, thằng nhỏ vẫn đang ngáy pho pho. Mừng khίου trâm chỗ mà nó không chịu cho mẹ nó thay cái mừng khác. Biết làm sao bây giờ? Ngoài kia xe cộ ồn ào quá. Còn ở đây thằng con tôi vẫn đang ngủ say sưa. Những biến động bên ngoài như không chịu lọt vào giấc ngủ trẻ thơ của nó. Bởi vì chiếc mừng của bác Năm nó ấm quá, đẹp quá.

Kìa, sao cô em chùi nước mắt? Như tôi đã nói, tôi kể chuyện vụng lấm. Cô là nhà văn thì cô ráng mà sắp xếp, chắt lọc và viết sao cho nó thành truyện, cô nhé. Chúc cô ăn tết thật khỏe.

Tết 1975- 1976

Nhớ người xưa ⁽¹⁾

Trích tiểu thuyết của HOÀNG VĂN BỔN

Chương mười một

Mặt trời vừa ló khỏi ngọn cây cao cánh rừng già giáp cánh đồng, người người đã gồng gánh đổ ra đồng, chuyện trò vui vẻ. Đàn trâu gõ móng trên con đường làng khô ráo, “*nghe ngọ*”, húc vào bụng nhau, liếm nước dãi sau dít các con trâu cái, lim dim mắt nhìn ông mặt trời, mỉm cười, râu cằm dính đầy nước bọt thềm thũng. Trên các thửa ruộng vừa gặt xong, chiếc máy cày ai nổ máy giòn giã, làn khói mỏng cuốn lên cao hòa vào đám mây trắng, sương núi lảng vảng, bầu trời đầy tiếng chim và tiếng rừng, tiếng thú nhẩn tẩn hiệu tìm nhau...

Giữa đám người gặt lúa hàng lối liềm, có Sáu Nở, Út Thiện, Cà Ngá và già làng cùng hơn chục trai tráng người Châu Ro, Châu Mạ...

Nơi nào có Sáu Nở, nơi đó rộ lên tiếng cười, tiếng kể chuyện đời xưa... Sáu Nở miệng kể, tay quơ từng nạm lúa chín oằn, siết liềm ngọt xót. Phải nói Sáu Nở đúng là con nhà nông. Tuy tuổi đã cao, lưng đã mỏi, nhưng tay liềm vẫn còn nhanh lẹ. Xoạt xoạt... Vạt lúa chín vàng của cô phóng nhanh giữa đám ruộng sóng lúa lướt rộn mát mát. Hai bên lối lúa của cô, hàng chục trai, gái đưa tay quơ lúa, tay siết liềm xoàn xoạt ngon lành... Nhiều chú chim cút mặt chơi trò cút bắt núp kín dưới gốc lúa vụt cất cánh vù là là mặt ruộng như lưới lửa.

Gần bờ sông, giữa cánh đồng nước, vang đến tiếng chim da da ra ra đòi nợ: “*Da da, hốt cát trả ta. Da da...*”. Tiếng chim cùm nùm chân đỏ, mỏ đỏ khệnh khạng trên những bụi lúa trời, cỏ ba lá rợp mặt nước... Trên bầu trời trong xanh, thành hình mũi tên, từng đàn cò trắng nghênh cổ nhìn xuống, đôi mắt lảo liên tìm những vũng nước có nhiều cá cạn... Vịt trời quàng quạc nơi nơi, từ trên cao lao đứng xuống, nước bắn toé trong ánh mặt trời hiện muôn vòm ngũ sắc...

Chuyện đời xưa mà Sáu Nở say sưa kể cho lớp hậu sinh nghe khi cất lúa, thực ra chẳng “*xưa*” chút nào. Nó chỉ là chuyện kháng chiến ở vùng miền Đông này của cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ mà thôi. Nhưng, với lớp trai tráng lứa tuổi đôi mươi, đó là chuyện đời xưa, chuyện thần thoại say đắm, những câu chuyện tình yêu chung thủy, cao đẹp, ngày nay không thể tìm đâu ra...

Quanh những hồ đập lúa, Sáu Nở vẫn câu chuyện đời xưa ấy, lúa hạt bắn rào rào vào thành cà-tăng. Từng nạm lúa đập ành ạch vào ghế lán bóng, hạt lúa chảy rào rào trên lưng ghế. Các người già Châu Ro chưa quen cấy lúa, đập lúa nước kiểu này, thích thú kéo nhau ra đồng khi gà vừa ra chuồng, con chim “dài tên” ríu rít gọi nhau ra ruộng.

Họ học làm ruộng lúa nước, vừa nghe Sáu Nở và Út Thiện kể chuyện “đời xưa”...

Từ ngày Sáu Nở và Út Thiện lên đến nay, cái làng “*Kinh tế mới*” hẻo lánh này như có thêm da thịt. Công việc đồng áng, đi rừng cũng có náo nức và nhiều việc làm hơn: Mùa tìm mật ong, các chàng trai đua nhau vác ná, tên, cả súng của dân quân lui rừng, có đợt cả tuần lễ mới về, đem về làng cả thịt phơi khô, mật ong, mật gấu, cả gấu con, chim rừng mới đâm lông mái chèo, khi con lừng bầy...

Họ còn tụ tập dần thợ săn, rủ nhau lên rừng cao, dần ra săn thú, chủ yếu là săn heo rừng, nai, mễn... đôi khi, gặp cả cọp dữ bị săn gom vào lưới, thế là la hoảng, bắn súng cho nó lao vọt qua đầu tẩu thoát...

Một lần, trong một đợt rầm rộ như thế, họ phát hiện hai người lưng khòm, mặt, thân người đầy lông lá bị dòn vào tận đáy lưới. Hai “*người rừng*” ấy kêu ú ớ, tay khoát khoát trước mặt, mắt toé lửa lân tinh như mắt mèo rừng... Một chàng trai hoảng quá, múa lao định phóng liễn bị họ bắt lao, bẻ cong một cách dễ dàng lại nói gì đó...

Khi Hồng Loan, Sáu Nở và Út Thiện chạy tới nơi, hai “*người rừng*” ấy đã mệt lả, huồn rũ bên gốc cây cắm lai cổ thụ có lẽ rất quen thuộc với họ.

Hồng Loan ra hiệu, nói chuyện cả bằng tay với họ. Lát lâu sau, một người rừng mặt nhiều lông đen sì, trợn mắt nhìn Hồng Loan rất chăm chú, há miệng định kêu gì đó như là mừng rỡ, như là hoảng sợ:

- An... An...

Hồng Loan đánh bạo nắm tay Sáu Nở, bước lại gần người đó, họ lùi dần vào bóng cây cắm lai cổ thụ, hai tay hươ hươ phía trước, hai mắt lấm lét...

Từ trong hang, lao vọt ra hai con trăn bông dài hàng năm, sáu thước, nặng độ vài chục ký... Hai con trăn lao thẳng vào Hồng Loan và Sáu Nở, khiến các chàng trai hoảng sợ, la toáng lên, định bắn chúng. Hồng Loan vội vàng khoát tay:

- Không được bắn chúng. Trăn nuôi của họ đó.

Thừa lúa ấy, hai “*người rừng*” vọt chạy biến lên rừng cao tanh tưởi mùi lá mục, nồm lân tinh và khí lạnh âm u quanh năm...

Sáu Nở hàng hoàng nhìn Hồng Loan, ý hỏi họ là ai? Hồng Loan cũng nhìn lại Sáu Nở, Út Thiện và các chàng trai thiếu số tuổi còn trẻ với câu hỏi ấy.

Tự nhiên, Út Thiện và các chàng trai thiếu số túa ra sục tìm cánh rừng già

hồn chung quanh, cả các hẻm núi đá lạnh lẽo, đầy rêu.

Hồng Loan cùng Sáu Nữ cũng lủi rùng, kêu hú vang dậy như đi săn:

- Ốc... Hươu...

Chỉ có các hẻm núi thâm u dội lại tiếng hú gọi.

Đàn khỉ hàng vài chục con bị động rừng, nhảy nhót, nhe răng, trợn mắt, cào nách, khoọc khoọc, chuyển từ cành cây này sang cành cây khác, hễ trái cám chín nâu, trái cơm nguội quảng xuống đoàn người dám xâm phạm vào vương quốc của chúng... Hai con khỉ dọc lông lá xồm xoàm còn dám cào khịt cào khịt, nảy nảy bụng dưới Hồng Loan, khiến Hồng Loan đỏ mặt, kêu rú. Sáu Nữ chạy đến lượm đá cục chọi liên tiếp hàng chục cục, chúng mới chịu rút lui... Sáu Nữ cười rữ rượi cùng Hồng Loan đang tái mặt, rưng rưng hai mắt:

- Cô em còn đẹp quá mà. Hoa khôi thần đồng Hồng Loan mà, chúng không mê sao được?

Hồng Loan đang mếu, cũng bật cười:

- Cái chị này. Em đang khổ tâm đủ thứ đây, chị còn chọc ghẹo hoài. Các báo ở Sài Gòn cứ tung tin là "*Hoa khôi thần đồng Hồng Loan*" giờ là nữ chúa Sơn Lâm, là chủ trang trại, là chúa đảng Lâm sơn trại.

Kệ tía họ. Có miệng, có chữ nghĩa, có báo, họ muốn nói gì mà không được, em? Cũng tại cái ông tài khôn Út Thiện kia kìa. Tự dưng lại viết sách, viết báo cho mấy cái thằng nhà báo Sài Gòn sẵn lùm được, mới nên chuyện. Rồi còn mấy tờ lá cải bên Mỹ nữa... Nghe đâu mấy bà nội Trần Thanh Hoa, Trần Hoa Lệ với mấy tú tài, bộ trưởng, cố vấn ngày xưa cũng hùa vô, la lối dữ lắm: Nào hoa khôi thần đồng Hồng Loan bị Cộng sản đày đi cải tạo lao động mệt mùa tại Mã Đà, Bà Hào, quanh năm làm bần, làm duyên với khỉ già, khỉ khô, cóc nhái, dười ươi...

Hồng Loan nguýt Út Thiện đang làm ám hiệu cho cô im lặng, chịu thua Sáu Nữ có xấu mặt nào. Sáu Nữ nhìn thấy, la lớn:

- Thôi nghe, ông thầy chùa già lão lai tài lận. Lỡ cho người ta in bậy bạ vài mẩu chuyện "*đời xưa*" vậy thôi nghe. Đừng có làm khổ nhỏ Hồng Loan nữa...

Út Thiện trèo lên đỉnh gò mới cao lút đầu người, nhìn bốn phía tìm dấu vết "*người rừng*", vụ này phải lên báo Sài Gòn với nội dung hấp dẫn... Nghĩ vậy, ông thầy chùa nhà văn xứ rừng già lồm lồm cười, hai cái răng cửa vẹo hẳn ra ngoài nhều nhào đầy nước bọt...

Một chàng trai hươ chà gạc chạy về gọi Hồng Loan:

- Có cái hang sâu lắm, giống như kho gạo hay kho vũ khí ngày xưa...

Út Thiện, Sáu Nữ, Hồng Loan cùng các chàng trai chạy nhanh đến miệng hang rộng, hun hút. Út Thiện chui vào trước. Một luồng dơi quạ sải cánh rộng ba gang tay từ trong hang bay vụt ra hàng trăm con, đập cả vào mặt Út Thiện, Hồng Loan, Sáu Nữ. Các chàng trai tối tăm mặt mũi, hai tay hươ lung tung, đập

trúng hàng chục dơi quạ...

Tỉnh lại, Hồng Loan và Út Thiện lò dò vào tận hên trong hang, càng vào sâu, khí lạnh càng nặng nề, hoang giá. Út Thiện bảo Sáu Nữ đốt đuốc tre khô... Có lửa, khí lạnh bớt nặng nề. Đàn dơi quạ không bay sà vào mặt mũi, tóc tai Hồng Loan nữa.

- Kho gạo hay kho vũ khí gì đó... - Hồng Loan thì thào vào tai Sáu Nữ - Đã hơn hai chục năm trời rồi. Không còn hạt gạo nào đâu, súng ống cũng bị rỉ sét hết rồi...

Út Thiện lượm được hai khúc sắt rỉ giống hình khẩu tiểu liên, bàng hoàng nhìn ngó mãi, mới thì thào bảo nhỏ Sáu Nữ:

- Bà nhớ kỹ lại coi, hồi trận Là Ngà nổi tiếng, mấy chú bộ đội chủ lực rút hốt, chỉ còn lại bộ đội địa phương vùng đồng bào thiểu số, có tin mấy người mất tích, nghi là bị cọp ba móng ăn thịt. Về sau, hóa ra là các chú ấy đang coi kho gạo, kho vũ khí, không có lệnh rút đi theo bộ đội chủ lực... đúng không?

Sáu Nữ và Hồng Loan tần ngần nhìn nhau, bồi hồi:

- Chẳng lẽ hai "người rừng" này là hai người coi kho vũ khí, lương thực cho mặt trận Là Ngà... tới bây giờ?

- Hồi đó, kỷ luật bộ đội nghiêm lắm, lại tự nguyện, không có lệnh rút là có chết cũng không được tự động bỏ kho... Nay, đã hơn hai chục năm trời rồi... Gạo thì sẵn đó, nhưng bị mục nát hết rồi.

Hồng Loan nói thêm:

- Lúc chưa giải phóng, tôi đọc báo có cái tin: Ở Philippin có mấy người Nhật bị lạc giữa rừng, không biết tin chiến tranh thế giới thứ hai đã kết thúc, vẫn cứ ở mãi trong rừng, gần như hóa thành người rừng.

Sáu Nữ, Hồng Loan, Út Thiện và các chàng trai tỏa ra sức tìm họ một lần nữa, kêu hú vang rừng.

Cuối cùng, khi mặt trời sắp lặn, họ đành phải ra về. Hồng Loan ngậm ngùi bảo:

- Ghi nhớ cánh rừng này, mỗi tuần lễ ta cho người đến đây, mang gạo, mắm muối, khoai củ tiếp tế cho họ. Biết đâu, dần dần, họ lĩnh lại tìm về với chúng ta. Nguồn gốc xà niêng... cũng na ná thế này thôi. Họ mang bao tay bằng ống tre, ngậm ngải độc vào rừng bắt thú về bán nuôi vợ con. Mỗi sáng, người vợ ở nhà phải thức sớm, khi họ mang thú rừng trở về, ra đập mạnh đũa dơ lên đầu họ cho tan ngải độc, mới tỉnh lại làm người... Người vợ vì thức trắng đêm chăm sóc con nhỏ, ngủ quên. Người chồng ngậm ngải độc, vác con nai trên lưng trở về, không được vợ đập chổi dơ lên đầu cho tan ngải độc, lại vác thú rừng trở vô rừng, thành người của rừng già. Sáng nào, người vợ cũng đặt hai tô cơm, khoai củ ngoài đầu ngõ, chồng về lấy cái ăn, lại vào rừng. Dần dà, người chồng đi bằng hai tay hai chân, người mọc lông lá như thú rừng...

Câu chuyện "*Xà niêng*" của Hồng Loan kể khiến Sáu Nữ, Út Thiện và các thanh niên trong làng buồn ngẩn. Sáu Nữ lau nước mắt bảo:

- Có thể hai người này là hai chiến sĩ bảo vệ kho vũ khí, lương thực cho trung đoàn 310 của ông Tám Nghệ, đúng vậy.

- Bây giờ, tìm họ khó lắm. Có khi, họ ở sát bên mình, nhưng không lên tiếng, vì sợ con người... Cũng có thể mấy năm qua, họ từng đụng độ với nhiều toán biệt kích của Phun-rô, phe cánh "*Phục quốc*" của bọn Đờ Mên, Mai Túy rất nhiều lần thập thò ở biên giới Campuchia-Việt Nam, Lào-Việt...

... Từ đó, mỗi tuần hai lần, Hồng Loan, Sáu Nữ và Út Thiện cho người đến vùng rừng có kho vũ khí năm xưa, mang theo gạo, cơm nóng, mắm, muối, quần áo và một lá thư ngắn nhắc lại chuyện xưa, rằng đất nước đã được giải phóng hoàn toàn rồi, nên trở về làng cùng chúng tôi, tìm liên lạc với Bảy Li, chú Kỳ, hoa khôi Hồng Loan, Sáu Nữ...

Tháng thứ nhất, khi Út Thiện đến, thấy thức ăn đã được sử dụng. Gạo, mắm, muối và quần áo cũng đã được cất dấu đó. Cạnh chỗ để thức ăn, thấy có mấy tờ giấy đã mục, bị mối đục khoét như kim châm. Trong cửa hang còn có mảnh giấy lành, có ghi chi chút nhiều hình thú, có hình con nai dễ thương... Có thể đây là thư của họ trao gửi lại bọn mình. Út Thiện nghĩ thế, rất mừng, hai hàng nước mắt nhòa trang giấy mục.

Câu chuyện "*Người rừng*" ấy đã được Út Thiện viết lại theo thể ghi chép nóng hổi, được Hồng Loan dịch khá thành công, đăng trên một tờ báo lớn ở Sài Gòn... Sau đó, có nhiều người ở khắp các thành phố, làng mạc ở miền Nam, miền Đông Nam bộ tìm đến cái làng "*Kinh tế mới*" của Hồng Loan, đòi được đưa đi tìm "*người rừng*". Có một bà tuổi độ sáu mươi, tóc bạc trắng, mặt nhăn nheo, lưng hơi còng, bảo là vợ của một chiến sĩ hậu cần năm xưa của ông Tám Nghệ, được phân công coi kho vũ khí ở rừng miền Đông này... Út Thiện đành cùng hai thanh niên khỏe mạnh, súng ống đầy đủ, dẫn người đàn bà ấy vào kho vũ khí năm xưa. Trời chiều, rừng tối đen, hun hút. Chỉ nghe tiếng vượt hủ, khi khoọc khọc, nai tác xa xa... Khi đến cửa hang, người đàn bà quỳ sụp xuống, khóc than thảm thiết. Làm sao biết được một trong hai người rừng ấy là chồng của chị? Nhưng việc ấy hình như không quan trọng. Cái chính là chị đã gặp lại được nơi chồng chị từng ôm súng chiến đấu với ông Tám Huỳnh Văn Nghệ những năm cực kỳ gian khổ. Chị tìm được vài mảnh quần áo rách, mục, vài que sắt, thép rỉ có thể là súng, là lưỡi lê, vỏ lựu đạn... mà chồng chị năm xưa đã một mực trung thành coi giữ đến ngày nay...

Đã có đến hàng trăm người, ông già, bà già, lặn lội đến làng "*Kinh tế mới*" để được nhìn cửa hang từng là kho vũ khí của mặt trận La Ngà năm xưa.

Cho đến một hôm, Út Thiện và Hồng Loan cảm thấy nóng ruột thế nào ấy, bảo Sáu Nữ:

- Phải vô đó coi sao? Nóng ruột quá.

- Đêm qua, tôi ngủ nằm mơ, không vui lắm... - Sáu Nữ bảo, giọng nghẹn ngào.

Thế là Sáu Nữ chuẩn bị quần áo, chăn mền, gạo, mắm dầy đủ. Hồng Loan, Út Thiện và ba chàng trai Châu Ro mang đầy đủ vũ khí ra đi. Những lần trước, họ đi một mạch là đến nơi. Sao lần này lại bị lạc? Hồng Loan thắc mắc. Út Thiện cũng sinh nghi, bảo Hồng Loan lùi lại phía sau. Ông cùng hai thanh niên mang súng, lựu đạn đi trước. Đến gần sáng, sắp đến nơi, bỗng có nhiều tiếng súng, tiếng lựu đạn nổ ran chỗ cửa hang. Hai chàng trai chạy nhanh đến, quăng lựu đạn và bắn theo kiểu chia lửa thời chiến tranh... Út Thiện có kinh nghiệm chiến đấu hơn, bọc hậu phía trái cửa hang, quăng một trái lựu đạn OF.

Vài phút sau, tiếng súng im bật.

Út Thiện và Hồng Loan bò vào cửa hang, hai chàng trai gác bên ngoài. Ở cửa hang, vương vãi vỏ đạn tiểu liên còn sáng loáng, nhiều mảnh băng trắng loang máu. . . Hồng Loan bảo Út Thiện:

- Vỏ đạn này là của đội quân biệt kích của Mỹ. Người rừng không có loại đạn còn mới thế này đâu. Cả hông băng cũng vậy.

Út Thiện vỗ tay tiếc rẻ:

- Tại sao tụi mình bị lạc hả? Nếu không bị lạc, đã tới kịp rồi.

Hồng Loan ứa nước mắt, cố tìm xem hai người rừng có sao không?

Vào tận đáy hang xem xét, trở ra, Hồng Loan lắc đầu, nước mắt lưng tròng:

- Cầu trời họ tránh bọn mình thôi...

- Có khi nào, họ... - Một thanh niên Châu Ro giọng nghẹn lại.

- Đừng nói hây. Không có chuyện đó đâu. - Út Thiện nạt lớn.

Hồng Loan im lặng, nhưng lồng ngực nghẹn thắt, hai hàng nước mắt rưng rưng...

Từ đó, chiều nào, họ cũng rảo một vòng quanh làng, sức vào những cánh rừng gần cửa hang, mang theo nào cơm trắng, gạo, mắm, nước uống, cả thuốc chống sốt rét nữa. Nhưng lần nào họ cũng về không. Thức ăn, gạo mắm đặt tại cửa hang vẫn còn nguyên. Cũng có lần, Hồng Loan reo to khi trông thấy số gạo, mắm ở cửa hang có bị hao hụt. Nhưng xem lại, đấy là do khí... Chỉ có khí lai vãng chốn này thôi.

... Từ nay, Út Thiện, Hồng Loan, Sáu Nữ ngoài công việc hàng ngày ra, còn thêm công việc thiêng liêng khi có nhiều đoàn người ở khắp nơi đổ về tìm kiếm người thân bị mất tích trong chiến tranh. Nhiều chuyến đi hàng tháng, sức tìm tận nơi núi cao, hang hốc thâm u là những nơi bộ đội từng đóng quân, là các trạm y tế, bệnh viện kháng chiến của bác sĩ Võ Cương, chị Tương... Họ đã tìm được nhiều ngôi mộ vô danh, cho xương cốt người hy sinh vào ba lô, gùi trên lưng, lội suối, trèo đèo...

Làng "*Kinh tế mới*" nay đã có thêm chợ búa, trường học, trại chăn nuôi bò sữa, trại trẻ... Nhiều cô gái thành thị lên đây dạy học, trông trẻ. Nhiều bà là vợ các chiến sĩ đã hy sinh trong chiến đấu lên đây, lập nghiệp, coi sóc mồ mả chồng, cha, anh, em...

Làng còn liên kết với các nông trường chung quanh lập các trại nuôi nai, hươu lấy nhung, mở nghề nuôi cá bè dưới sông Đồng Nai, mở một bệnh xá chung cho cả nông trường, nuôi một bác sĩ lớn tuổi vốn là bác sĩ quân đội thời kháng chiến ở vùng này. Chủ yếu là quá nhớ rừng, nhớ đồng đội, nên vị bác sĩ không thể hưởng sung sướng tuổi già với đồng lương hưu ở thành thị. Nhớ lắm. Không thể nào quên được... Nhớ từng trận mưa, cơn nóng, trận giông, nhớ từng con suối không tên, cái râu con cá ngủ dưới suối, con khỉ leo trèo trước chòi^{*}.

* Giải thưởng Đặc biệt, giải thưởng VHNT Trịnh Hoài Đức lần 2